|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ  **TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN NGỮ VĂN LỚP 8** | |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 8/...... |

**TUẦN 22**, **TIẾT 81** **TỰ HỌC CÓ HƯỚNG DẪN**

**CÂU CẦU KHIẾN VÀ CÂU CẢM THÁN**

**I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. CÂU CẦU KHIẾN:**

**a.Đặc điểm hình thức**:

- Câu cầu khiến là câu có những từ ngữ cầu khiến như : Hãy, đừng , chớ..đi, thôi, nào …

\***Ví dụ**: - **Hãy** thường xuyên rửa tay bằng xà phòng.

- **Thôi** đừng lo lắng

- Các bạn **chớ** đến nơi đông người.

- Cứ về **đi.**

**- Nào**, chúng ta cùng chung tay đẩy lùi dịch bệnh covid 19!

- Hoặc khi không dùng từ ngữ cầu khiến thì có ngữ điệu cầu khiến:

\***Ví dụ** :

a.Anh làm gì đấy ?

- **Mở cửa**. Hôm nay trời nóng quá.( Mở cửa trong câu a ngữ điệu bình thường dùng để trả lời, kết thúc bằng dấu chấm, đây là câu trần thuật)

b.Đang ngồi viết thư, tôi bỗng nghe tiếng ai đó vọng vào:

- **Mở cửa** !(Ngữ điệu nhấn mạnh, kết thúc bằng dấu chấm than, dùng để ra lệnh là câu cầu khiến)

**b.Chức năng:**

-Dùng để ra lệnh: Vào nhà ngay đi!

- Yêu cầu : Đi thôi con.

- Đề nghị : Hãy thường xuyên rửa tay.

- Khuyên bảo: Thôi đừng hoang mang, lo lắng.

**c.Rút ra bài học : Ghi nhớ (sgk/31)**

- Câu cầu khiến là câu có những từ ngữ cầu khiến như: hãy, đừng, chớ, đi, thôi, nào…hay ngữ điệu cầu khiến

- Dùng để ra lệnh, yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo..

-Thường kết thúc bằng dấu chấm than, nhưng khi ý cầu khiến không được nhấn mạnh thì kết thúc bằng dấu chấm.

**2.CÂU CẢM THÁN:**

**a.Đặc điểm hình thức:**

**\*Ví dụ :**

**- Ôi,** trời mưa to quá !

- **Than ôi!** Thời oanh liệt nay còn đâu ?

- **Hỡi ơi** lão Hạc !

- **Chao ôi** chiếc áo đẹp quá!

-**Trời ơi**, đau quá !

- Thương **thay** thân phận con tằm!

- Con trai đi xa lão đã đau xót **biết chừng nào!**

**\* Qua các ví dụ trên cho ta thấy câu cảm thán là:**

- Câu có chứa những từ ngữ cảm thán như : ôi, than ôi, hỡi ơi, chao ôi, trời ơi, biết bao, xiết bao, biết chừng nào…

- Khi viết thường kết thúc bằng dấu chấm than.

**b.Chức năng:**

- Thường dùng để bộc lộ trực tiếp cảm xúc của người nói(người viết), xuất hiện chủ yếu trong ngôn ngữ nói hằng ngày hay ngôn ngữ văn chương.

**II. BÀI TẬP**

**Câu 1 (trang 31 SGK Ngữ văn 8, tập 2)**

Xét các câu sau đây và trả lời câu hỏi.

a) *Hãy lấy gạo làm bánh mà lễ Tiên vương.*

(*Bánh chưng, bánh giầy*)

b) *Ông giáo hút trước đi.*

(Nam Cao, *Lão Hạc*)

c) *Nay chúng ta đừng làm gì nữa, thử xem lão Miệng có sống được không.*

(*Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng*)

- Đặc điểm hình thức nào cho biết những câu trên là câu cầu khiến?

- Nhận xét về chủ ngữ trong những câu trên. Thử thêm, bớt hoặc thay đổi chủ ngữ xem ý nghĩa của các câu trên thay đổi như thế nào?

**Trả lời:**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Câu 2 (trang 44 SGK Ngữ văn 8, tập 2)**

Hãy cho biết các câu trong những đoạn trích sau có phải đều là câu cảm thán không? Vì sao?

a) *Than ôi! Sức người khó lòng địch nổi với sức trời! Thế đê không sao cự lại được với thế nước! Lo thay! Nguy thay! Khúc đê này hỏng mất.*

(Phạm Duy Tốn*, Sống chết mặc bay*)

b) *Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi!*

(Thế Lữ, *Nhớ rừng*)

c) *Chao ôi, có biết đâu rằng: hung hăng, hống hách láo chỉ tổ đem thân mà trả nợ cho những cử chỉ ngu dại của mình thôi. Tôi đã phải trải cảnh như thế. Thoát nạn rồi, mà còn ân hận quá, ân hận mãi.*

(Tô Hoài*, Dế Mèn phiêu lưu kí*)

**Trả lời**:

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾT 82**:

**BÀI** **THUYẾT MINH VỀ MỘT DANH LAM THẮNG CẢNH**

**THCHD: ÔN TẬP VĂN BẢN THUYẾT MINH**

**A.THUYẾT MINH VỀ MỘT DANH LAM THẮNG CẢNH**

**I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. Giới thiệu một danh lam thắng cảnh :**

\*Ví dụ1/SGK/33 : Văn bản “Hồ Hoàn Kiếm và Đền Ngọc Sơn”

\*Nhận xét :

**- Đối tượng : Hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn.**

**- Qua văn bản em có thể hiểu biết những tri thức về đối tượng như:**

+Hồ Hoàn Kiếm: - Nguồn gốc (vài nghìn năm tuổi)

-Tên gọi của hồ (Lục Thủy, Hoàn Kiếm, Hồ Gươm, Thủy Quân)

+Đền Ngọc Sơn:

-Nguồn gốc, quá trình xây dựng: Điếu Đài, Cung Khánh Thụy, Chùa Ngọc Sơn, Đền Ngọc Sơn.

-Kiến trúc: Tháp bút, Đài Nghiên, Cầu Thê Húc, Đền, Trấn Ba Đình.

**- Muốn viết bài văn giới thiệu một danh lam thắng cảnh cần có kiến thức:** Địa lý, lịch sử, văn hóa, văn học…

**- Cách tích lũy kiến thức** : Quan sát trực tiếp, xem ảnh, vi deo, hỏi han; phải đọc sách báo, tài liệu có liên quan, thu thập, nghiên cứu, ghi chép..

**-Nội dung miêu tả còn thiếu và cần được bổ sung :**

-Miêu tả vị trí, độ rộng hẹp của Hồ

-Miêu tả màu nước, cây cối

-Vị trí của Tháp Rùa, Cầu Thê Húc, Đền Ngọc Sơn

- Các công trình kiến trúc xung quanh bờ hồ

-Thứ tự giới thiệu theo trình tự thời gian

- Ý nghĩa lịch sử, xã hội, văn hóa…vị trí trong đời sống tình cảm của con người

- Những bài học về sự bảo tồn, tôn tạo.

-Bố cục còn thiếu mở bài.

**-Phương pháp thuyết minh bài văn đã sử dụng: Giải thích, liệt kê, dùng số liệu..**

**2.Bài học** : Từ ví dụ trên các em rút ra được bài học/ ghi nhớ sgk 34

- Muốn viết bài giới thiệu về một thắng cảnh thì tốt nhất phải đến nơi thăm thú, quan sát hoặc tra cứu sách vở, hỏi han những người hiểu biết về nơi ấy.

- Bài giới thiệu nên có bố cục ba phần. lời giới thiệu ít nhiều có kèm theo lời miêu tả, bình luận thì sẽ hấp dẫn hơn; tuy nhiên , bài giới thiệu phải dựa trên cơ sở kiến thức đáng tin cậy và có phương pháp thích hợp.

- Lời văn cần chính xác và biểu cảm.

**II. BÀI TẬP**

**Bài 1. Lập lại bố cục bài giới thiệu Hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn:**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Bài 3/sgk/35 Nếu viết lại bài này theo bố cục ba phần thì em sẽ chọn những chi tiết nào để làm nổi bật giá trị lịch sử và văn hóa của di tích, thắng cảnh ?**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**B. TỰ HỌC CÓ HƯỚNG DẪN: ÔN TẬP VĂN BẢN THUYẾT MINH**

**I.ÔN TẬP LÝ THUYẾT**

**1.**Văn bản thuyết minh là kiểu văn bản thông dụng trong mọi lĩnh vực đời sống nhằm cung cấp tri thức về đặc điểm tính chất, nguyên nhân ... của các hiện tượng và sự vật trong tự nhiên, xã hội.

**2.**Sự khác nhau giữa văn bản thuyết minh với các văn bản khác:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Văn bản Thuyết minh** | **Văn bản tự sự** | **Văn bản miêu tả** | **Văn bản biểu cảm** | **Văn bản nghị luận** |
| Đặc điểm (tính chất) | Tri thức chính xác, khách quan về sự vật, hiện tượng. | Kể lại sự việc, nhân vật theo một trình tự | Tái hiện cụ thể đặc điểm về con người, sự vật | Biểu đạt tình cảm, cảm xúc của con người | Trình bày ý kiến, luận điểm. |

**3.** Muốn làm tốt bài văn thuyết minh, người viết phải:

- Quan sát, tìm hiểu, tích lũy tri thức về sự vật, hiện tượng cần thuyết minh.

- Nắm bắt bản chất đặc trưng của sự vật, hiện tượng cần thuyết minh.

**4.** Để bài văn thuyết minh có sức thuyết phục, dễ hiểu, sáng rõ, người ta có thể sử dụng phối hợp nhiều phương pháp thuyết minh như: Nêu định nghĩa, giải thích, liệt kê, nêu ví dụ, dùng số liệu, so sánh, phân tích, phân loại.

**II.LUYỆN TẬP**

Chuẩn bị dàn ý chi tiết hai đề văn sau  
 **Đề 1: Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh ở địa phương em (ở Đà Nẵng như núi Sơn Trà, Núi Ngũ Hành Sơn, Bà Nà Hill..Chùa Linh Ứng)**

Gợi ý:

1.Vị trí địa lí

2.Lịch sử hình thành

3.Đặc điểm, cấu trúc

4.Giá trị văn hóa lịch sử

5.Ý thức bảo tồn, tôn tạo.

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiết 83**

**BÀI: TỰ HỌC CÓ HƯỚNG DẪN: CÂU TRẦN THUÂT, CÂU PHỦ ĐỊNH**

**I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. CÂU TRẦN THUẬT**:

**a.Đặc điểm hình thức:**

\*Xét ví dụ: Sgk/45,46

- Câu trần thuật là câu không có đặc điểm hình thức của câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán:

+ Các câu trong đoạn a và b đều không có đặc điểm hình thức của câu nghi vấn, câu cầu khiến và câu cảm thán.

+Chỉ có câu “Ôi Tào Khê” ở đoạn d có đặc điểm hình thức của câu cảm thán và các câu còn lại cũng không có đặc điểm hình thức của câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán.

- Những câu này dùng để :

a.(1)Nhận định, (2) Kể, (3) Yêu cầu

b.(1) Kể, tả (2) Thông báo

c.(1), (2) Miêu tả

d.(1) Dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc( câu cảm thán)

(2) Dùng để nhận định

(3) Bộc lộ tình cảm, cảm xúc.

- Chức năng: câu trần thuật dùng để kể, miêu tả, thông báo, nhận định…Ngoài những chức năng chính đó câu trần thuật còn dùng để yêu cầu, đề nghị hay bộc lộ tình cảm, cảm xúc..(Vốn là những chức măng của kiểu câu khác)

- Khi viết câu trần thuật thường kết thúc bằng dấu chấm, nhưng đôi khi nó có thể kết thúc bằng dấu chấm than hoặc chấm lửng.

**\*Mục đích của câu trần thuật rất đa dạng, sau đây là một số ví dụ minh họa**:

**(1)Nhóm chức năng chính :**

- Dùng để kể :Vào đêm trước ngày khai trường của con, mẹ không ngủ

- Nhận xét : Con là một đứa trẻ nhạy cảm

- Miêu tả :Trên những triền núi, nắng hanh như rây bột nghệ, và đá núi lượn xô bồ những con sóng đời đời không chịu tan.

- Thông báo : Giáo viên chủ nhiệm mời cậu lên gặp.

- Giới thiệu : Bà Đỡ Trần là người huyện Đông Triều.

- Giải thích : Kẻ ở cạn, người ở nước, tính tình, tập quán khác nhau, khó mà ăn ở cùng nhau một nơi lâu dài được.

- Hứa hẹn :Thôi thì ngày mai ai đem sính lễ đến trước, ta sẽ cho cưới con gái ta.

**(2)Nhóm chức năng khác:**

- Đề nghị : Xin lỗi ở đây không nên tu tập đông người.

- Yêu cầu : Mời anh trở về nhà.

(**3)Câu trần thuật sử dụng các động từ: yêu cầu, đề nghị, khuyên, xin lỗi, cảm ơn, đảm bảo, cam đoan, hứa, chào,…**

- Yêu cầu :Yêu cầu anh mang ngay báo cáo cho tôi

- Đề nghị : Đề nghị các bạn không được nói chuyện riêng.

- Khuyên: Tôi khuyên anh nên uống thuốc

- Xin lỗi : Tôi xin lỗi bạn

- Cảm ơn :Cảm ơn cậu đã giúp tôi

- Chào : Cháu chào bác

**2.CÂU PHỦ ĐỊNH**

**a.Đặc điểm hình thức và chức năng:**

**\*Ví dụ 1:**

(a) Nam đi Huế

(b) Nam không đi Huế

(c)Nam chưa đi Huế

(d) Nam chẳng đi Huế

- Nhận xét:

+Các câu (b), (c), (c) có đặc điểm hình thức khác câu a là có những từ ngữ phủ định :không, chưa, chẳng.

+Những câu này có chức năng thông báo, xác nhận không có sự việc Nam không hoặc chưa, chẳng đi Huế còn câu (a) thì khẳng định Nam đi Huế.

\***Ví dụ 2**:

- Những câu có từ ngữ phủ định là:

(1) Không phải, nó chần chẫn như cái đòn càn.

(2)Đâu có !

- Chức năng: Ông thầy bói thứ 2 dùng câu có từ ngữ phủ định để phản bác ý kiến, nhận định của ông thầy bói sờ vòi (ông thứ nhất). Còn ông thầy bói thứ 3(ông sờ tai) dùng câu phủ định “đâu có” để phủ định phản bác ý kiến, nhận định của hai ông thầy bói trước.

**\*Bài học** : Qua hai ví dụ đã phân tích ta rút ra được nội dung bài học:

- Câu phủ định là câu có những từ ngữ phủ định như: không, chưa, chẳng, chả, không phải (là), chẳng phải(là), đâu có( là), đâu(có)…

- Câu phủ định dùng để:

+Thông báo, xác nhận không có sự vật, sự việc, tính chất, quan hệ nào đó (Câu phủ định miêu tả)

+ Phản bác một ý kiến, một nhận định (phủ định bác bỏ)

**Lưu ý : -Tuy nhiên trong nhiều trường hợp có một số câu phủ định có cấu tạo khá đặc biệt và được dùng với chức năng khẳng định.**

**\*Ví dụ :**

**(1)** Trẫm rất đau xót về việc đó, **không thể không** dời đổi

**- Câu này : Phủ định+Phủ định = Khẳng định**

**- Câu này tương đương với ý nghĩa:** Trẫm rất đau xót về việc đó nên phải dời đổi.

(2) Câu chuyện ấy **ai** **chẳng** biết.

- Câu này : **Từ ngữ nghi vấn +từ ngữ phủ định = Ý nghĩa khẳng định**

**-Ý nghĩa tương đương :** Câu chuyện ấy ai cũng biết.

**-Hoặc có những câu được dùng với ý nghĩa phủ định nhưng không phải là câu phủ định vì không có từ ngữ phủ định: ví dụ**

1. Đẹp gì mà đẹp!
2. Làm gì có chuyện đó !

**II. BÀI TẬP**

**1.Khuyến khích học sinh làm bài tập 1 phần câu trần thuật**

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾT 84**

**VĂN BẢN** **CHIẾU DỜI ĐÔ**

**I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1.** **Tìm hiểu chung**:

**a.Tác giả :**

- Lí Công Uẩn(974-1028) tức Lí Thái tổ, người châu Cổ Pháp, lộ Bắc Ninh (nay là xã Đình bẳng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh)

- Ông là người thông minh, nhân ái, có chí lớn và lập được nhiều chiến công.

- Ông là người đã sáng lập ra vương triều nhà Lý.

**b.Tác phẩm:**

- Hoàn cảnh sáng tác : Vào Năm Canh Tuất niên hiệu Thuận Thiên thứ nhất (1010), Lí Công Uẩn viết bài chiếu bày tỏ ý định dời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) ra thành Đại La (Hà Nội ngày nay).

- Thể loại : Thể Chiếu

+ Đặc điểm của thể Chiếu: Là thể văn do vua dùng để ban bố mệnh lệnh. Chiếu có thể được viết bằng văn vần, văn biền ngẫu hoặc văn xuôi, thường được công bố và đón nhận một cách trang trọng. Một số bài chiếu thể hiện tư tưởng chính trị lớn lao có ảnh hưởng đến vận mệnh của cả triều đại, đất nước.

- Phương thức biểu đạt :Nghị luận

- Bố cục: 3 phần

+Phần 1: Từ đầu ..đến ..không thể không dời đổi.

- Tiền đề lịch sử và thực tiễn của việc dời đô

+Phần 2: Huống gì thành Đại La…..đến……muôn đời

- Lý do chọn thành Đại La làm kinh đô

+ Phần 3: Còn lại (Thông báo quyết định dời đô)

**2.Tìm hiểu văn bản** :

**a.Những tiền đề, cơ sở lịch sử và thực tiễn của việc dời đô:**

\*Tiền đề lịch sử :Tác giả dẫn trong lịch sử Trung Hoa

- Nhà Thương : 5 lần dời đô

- Nhà Chu : 3 lần dời đô

+Mục đích của việc đời đô đó : nhằm mưu toan nghiệp lớn, tính kế muôn đời cho con cháu, là sự khẳng định trên vâng mệnh trời, dưới theo ý nguyện của nhân dân.

+Kết quả : Vận nước lâu dài, phong tục phồn thịnh

* Noi gương người xưa

\*Tình hình thực tiễn :

- Nhà Đinh,Tiền Lê không chịu dời đổi, không noi theo người xưa, cứ đóng yên đô thành nơi đây.

- Hậu quả : Triều đại không được lâu bền, số phận ngắn ngủi, trăm họ hao tốn, muôn vật không được thích nghi.

* Nghệ thuật: - Cách lập luận chặt chẽ, noi gương cả người đời xưa và đời nay

-Kết hợp chặt chẽ giữa lí và tình :Trẫm rất đau xót về việc đó, không thể không dời đổi, Dời đô là việc làm cần thiết không thể không dời đổi.

**b.Lý do chọn thành Đại La làm kinh đô :**

- Đại La hội tụ nhiều lợi thế :

+ Lịch sử : Kinh đô cũ của Cao Vương

+ Vị trí địa lí: Ở vào nơi trung tâm trời đất, thế đất đẹp

+ Vị thế chính trị, văn hóa : Chốn hội tụ trọng yếu của bốn phương đất nước.

-Ý nghĩa của việc dời đô :

+ Thể hiện sức mạnh nội tại

+ Khát vọng tự lực, tự cường.

* Lý lẽ, lập luận thuyết phục.

**c.Thông báo quyết định dời đô:**

- Phần cuối bài chiếu Lí Công Uẩn đã bày tỏ ý mình về việc dời đô và hỏi ý kiến quần thần.

- Ông muốn nghe thêm ý kiến bàn bạc của quần thần, vẫn muốn ý nguyện riêng của mình thành ý nguyện của nhân dân trăm họ.

* Cách kết thúc không còn mang tính chất mệnh lệnh, nghiêm khắc mà có phần dân chủ, cởi mở, tạo ra sự đồng cảm ở mức độ nhất định giữa vua- quần thần- nhân dân.

**3.Tổng kết :**

**a.Nghệ thuật :**

- Lối văn biền ngẫu

- Lập luận chặt chẽ, lí lẽ thuyết phục

- Ngôn ngữ có tính chất đối thoại, tâm tình

- Thấu tình, đạt lí

**b. Nội dung :**

- Khát vọng về một đất nước độc lập thống nhất, tự lực tự cường, trường tồn, phồn thịnh.

-Tầm nhìn sáng suốt của vị vua anh minh.

**II. BÀI TẬP**

**Vì sao nói Chiếu dời đô ra đời phản ánh ý chí độc lập, tự cường và sự phát triển lớn mạnh của dân tộc Đại Việt ?**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

.............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 23, TIẾT 87, 88**

**VĂN BẢN HỊCH TƯỚNG SĨ**

**I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. Tìm hiểu chung**:

**a.Tác giả** :

-Trần Quốc Tuấn (1231-1300) tức Hưng Đạo Vương, là một danh tướng kiệt xuất của dân tộc, uyên bác văn võ song toàn. Là một thiên tài quân sự, có tầm nhìn chiến lược.

- Là người có công lớn trong cả ba lần kháng chiến chống quân Mông -Nguyên, đặc biệt trong cuộc kháng chiến lần 2 và lần 3 ông được vua Trần Nhân Tông cử làm Tiết chế thống lĩnh các đạo quân.

- Ông là vị anh hùng của dân tộc, sau khi ông mất được nhân dân tôn thờ là Đức Thánh Trần và lập đền thờ ở nhiều nơi trên đất nước.

**b.Tác phẩm**:

\* **Hoàn cảnh ra đời** : ài “Hịch tướng sĩ” được Trần Quốc Tuấn viết vào khoảng trước cuộc kháng chiến chống quân Mông-Nguyên lần thứ 2(1285).

**\* Thể loại** :Hịch

+Hịch là thể văn nghị luận thời xưa, thường được vua chúa, tướng lĩnh hoặc thủ lĩnh một phong trào dùng để cổ động, thuyết phục hoặc kêu gọi chống thù trong giặc ngoài

+Hịch có kết cấu chặt chẽ, có lí lẽ sắc bén, có dẫn chứng thuyết phục.

+Nhằm khích lệ tình cảm, tinh thần người nghe.

+Hịch thường được viết theo văn biền ngẫu.

+Kết cấu của bài Hịch có thể thay đổi linh hoạt theo mục đích và nghệ thuật lập luận của tác giả.

\* **Bố cục** :

- *Đoạn* 1 (từ đầu đến ''còn lưu tiếng tốt'') : Nêu những gương trung thần nghĩa sĩ trong sử sách .

- *Đoạn* 2 (từ ''Huống chi'' đến ''cũng vui lòng'') : Lột tả sự ngang ngược và tội ác của kẻ thù đồng thời nói lên lòng căm thù giặc.

***-*** *Đoạn* 3 (từ ''Các ngươi'' đến ''không muốn vui vẻ phỏng có được không ?'') : Phân tích phải trái, làm rõ đúng sai. Đoạn này có thể chia thành hai đoạn nhỏ :

+ Từ ''Các ngươi'' đến ''muốn vui vẻ phỏng có được không ?'' : Nêu mối ân tình giữa chủ và tướng, phê phán những biểu hiện sai trong hàng ngũ tướng sĩ ,

+Từ ''Nay ta bảo thật'' đến ''không muốn vui vẻ phỏng có được không ?: Khẳng định những hành động đúng nên làm để tướng sĩ thấy rõ điều hay, lẽ phải.

***-*** *Đoạn* 4 (đoạn còn lại) : Nêu nhiệm vụ cấp bách, khích lệ tinh thần chiến đấu.

**2. Đọc – tìm hiểu văn bản**:

**a.Nêu gương trung thần nghĩa sĩ trong sử sách: (HS đọc kĩ đoạn 1)**

- Mở đầu bài hịch , Trần Quốc Tuấn đã nêu gương các trung thần nghĩa đã hi sinh vì đất nước của người đời trước trong sử sách Trung Hoa như: Kỉ Tín, Chiêu Vương, Dự Nhượng, Thân khoái, Kính Đức…

* Nêu ngắn gọn, tập trung, nhằm khích lệ ý chí lập công danh, tinh thần hi sinh vì nước, vì dân của các tướng sĩ.

-Tác giả còn dẫn các tấm gương của người đời nay: của triều đại Mông-Nguyên là kẻ thù đang xâm lược nước ta.

* Nêu thực tế, không có trong sách vở nên binh lính dễ tiếp nhận.

**Tiểu kết** :- Cho thấy tác giả rất am hiểu binh sĩ của mình, thể hiện sự chân tình.

-Lí lẽ, lập luân, dẫn chứng thuyết phục.

**b.Khích lệ tinh thần căm thù giặc:**

**\* Tội ác và sự ngang ngược của kẻ thù** : (HS đọc đoạn “Huống chi ta cùng các ngươi…tai vạ về sau)

- Tố cáo tội ác trời không dung, đất không tha của giặc : uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ, thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa..

- Bày tỏ nỗi đau, nỗi hận mất nước: tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa…Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa ta cũng vui lòng.

* Ẩn dụ, nói quá, phép liệt kê, so sánh
* Thể hiện lòng căm thù giặc sâu sắc, đó là những lời gan ruột, là tấm lòng của vị tổng chỉ huy.

**\*Nêu lên mối ấn tình giữa chủ tướng và binh sĩ.** : (HS đọc đoạn “Các ngươi ở cùng ta…kém gì)

- Lí lẽ thấu tình đạt lí, tình cảm gắn bó, quan tâm, thương yêu sâu sắc, cụ thể và rất bao dung.

* Thể hiện mối quan hệ cùng cảnh ngộ, khích lệ ý thức, trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi người đối với đạo vua tôi.

**c.Phê phán thái độ thờ ơ của quân sĩ** :(HS đọc đoạn “Nay các ngươi nhìn chủ nhục…phỏng có được không ? )

\*Phê phán lối sống cầu an hưởng lạc : + Chủ nhục – không lo

+ Nước nhục – không thẹn

+ Làm tướng – Hầu giặc – không tức

+ Thú vui – không đánh đuổi được giặc

* Cách phê phán khảng khái, đanh thép, khôn khéo.
* Dẫn chứng, lí lẽ thuyết phục, lối văn biền ngẫu.
* Có tác động mạnh mẽ, sâu sắc tới tâm lí của các tướng sĩ.

\*Đưa ra giải pháp tinh thần và hành động :

- Không được bị động, chủ quan.

- Huấn luyện quân sĩ, tập dượt cung tên.

\*Vẽ ra viễn cảnh niềm vui khi đất nước thịnh trị :

- Hưởng bổng lộc, lưu danh sử sách.

- Sống yên bình

- Dòng họ được hạnh phúc.

**d.Nêu nhiệm vụ và hành động mà các tướng sĩ phải làm** : (HS đọc đoạn cuối)

- Nhiệm vụ : + Học tập cuốn Binh thư yếu lược

+ Phải chủ động, có kế hoạch dự phòng.

-Vạch ra con đường sống chết, vinh nhục : + một là theo giặc

+ hai là sống chết đánh giặc

* Thái độ kiên quyết.

**3.Tổng kết**

**a. Nghệ thuật** :

- Giọng văn khi bi thiết nghẹn ngào, lúc sục sôi hùng hồn, khi mỉa mai chế giễu, khi nghiêm khắc như sỉ mắng, lại có lúc ra lệnh dứt khoát.

- Kết cấu chặt chẽ, lập luận sắc bén.

- Sử dụng kiểu câu nguyên nhân - kết quả.

- Biện pháp tu từ: so sánh, điệp từ ngữ, điệp ý tăng tiến, phóng đại ...

- Sử dụng những hình tượng nghệ thuật gợi cảm, dễ hiểu.

**b. Nội dung**:

- Tinh thần yêu nước nồng nàn của dân tộc ta.

- Ý chí quyết chiến quyết thắng kẻ thù xâm lược.

**II. BÀI TẬP**

**Câu 1. Qua văn bản “Hịch tướng sĩ” em có cảm nhận như thế nào về hình tượng vị chủ soái Trần Quốc Tuấn?**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................

**Câu 2. Phân tích lòng yêu nước, căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn qua đoạn văn sau : “Ta thường tới bữa quên ăn…..ta cũng vui lòng”**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ..............................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾT 89,90**

**VĂN BẢN NƯỚC ĐẠI VIỆT TA**

**(Trích “ Bình Ngô đại cáo”)**

**I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. Tìm hiểu chung**:

**a.Tác giả** :

- Nguyễn Trãi (1380-1442) hiệu là ức Trai, con của Nguyễn Phi Khanh, quê ở xã Chi Ngại, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương

- Ông tham gia khởi nghĩa Lam Sơn với vai trò rất lớn là vị quân sư tài ba bên cạnh Lê Lợi.

- Ông là danh nhân văn hóa lỗi lạc và cũng là người có số phận bi thương nhất trong lịch sử .

- Ông có một sự nghiệp văn chương khá đồ sộ

- Năm 1980, Nguyễn Trãi được UNESCO công nhận là Danh nhân văn hóa thế giới.

**b.Tác phẩm :**

\***Hoàn cảnh ra đời** :

- Đầu năm 1428, sau khi quân ta đại thắng giặc Minh xâm lược, Nguyễn Trãi đã thừa lệnh vua Lê Thái Tổ soạn thảo “Bình Ngô Đại cáo” để bố cáo với toàn dân về sự nghiệp kháng chiến chống quân Minh đã hoàn toàn thắng lợi.

\***Thể loại** : Cáo

- Cáo là thể văn nghị luận cổ, thường được vua chúa hoặc thủ lĩnh dùng để trình bày một chủ trương hay công bố kết quả một sự nghiệp .

- Cáo phần nhiều được viết bằng văn biền ngẫu (không có vần hoặc có vần, thường có đối, câu dài ngắn không gò bó, mỗi cặp hai vế đối nhau)

- Cáo có tính chất hùng biện, lời lẽ đanh thép, lí luận sắc bén, kết cấu chặt chẽ, mạch lạc.

**\*Bố cục của đoạn trích** : 3 đoạn

Đoạn 1: 2 câu đầu – Nguyên lí nhân nghĩa của Nguyễn Trãi

Đoạn 2: 8 câu tiếp – Chân lí về độc lập chủ quyền của dân tộc Đại Việt.

Đoạn 3: 6 câu cuối – Sức mạnh của nhân nghĩa.

**2. Đọc – tìm hiểu văn bản:**

**a.Nguyên lí nhân nghĩa của Nguyễn Trãi** :(đọc 2 câu đầu)

- Nhân nghĩa theo quan niệm nho giáo :Nhân : là người; nghĩa :đạo lí

* Là yêu thương con người

-Nhân nghĩa của Nguyễn Trãi : Đặt trong hoàn cảnh đất nước có ngoại xâm

Nhân nghĩa = Yên dân + trừ bạo

Nhân nghĩa = Yêu nước

* Tức là diệt trừ tham tàn bạo ngược, bảo vệ cuộc sống yên ổn cho nhân dân. Nhân nghĩa chính là yên dân, gắn với hòa bình, nhân nghĩa chính là yêu nước.

- Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi vừa kế thừa và phát triển tư tưởng nhân nghĩa của Nho giáo.

+ Kế thừa: Chỉ ra mối quan hệ giữa người với người.

+ Phát triển : Theo quan niệm của Nguyễn Trãi nhân nghĩa chỉ ra được mối quan hệ giữa dân tộc với dân tộc, giữa yêu nước và chống quân xâm lược.

**b.Chân lí về sự tồn độc lập, chủ quyền của dân tộc Đại Việt**:(8 câu tiếp)

- Nền độc lập của dân tộc Đại Việt được Nguyễn Trãi khẳng định dựa trên 5 yếu tố:

+ Nền văn hiến lâu đời

+ Lãnh thổ riêng

+ Phong tục riêng

+ Chủ quyền riêng

+ Truyền thống lịch sử

- So với bài “Nam Quốc Sơn Hà” thì đoạn trích “Nước Đại Việt ta”là sự tiếp nối và phát triển ý thức dân tộc. Bởi vì trong bài “Sông núi nước Nam” chỉ mới nêu được 2 yếu tố để khẳng đinh chủ quyền đó là : chủ quyền và lãnh thổ. Đến bài “Bình Ngô đại cáo” đã bổ sung thêm 3 yếu tố : Nền văn hiến, phong tục tập quán, lịch sử.

- Quan niệm về dân tộc của Nguyễn Trãi thật sâu sắc vì ông đã ý thức được nền văn hiến và truyền thống lịch sử là yếu tố cơ bản nhất để xác định dân tộc.

**c.Sức mạnh của nguyên lí nhân nghĩa** :

- Lưu Cung – thất bại

Triệu Tiết – tiêu vong

-Toa Đô – bị bắt sống

Ô Mã – bị giết

\*Nghệ thuật : Phép liệt kê, dẫn chứng từ thực tiễn lịch sử.

- Sức mạnh của nhân nghĩa giúp tiêu diệt mọi kẻ thù hùng mạnh nhất, đó là nguyên nhân của mọi sự thắng lợi.

**3.Tổng kết** :

**a.Nghệ thuật** :

- Lập luận chặt chẽ, chứng cứ hùng hồn

- Lời văn cô đọng, hàm súc; giọng văn đanh thép, hùng hồn.

**b.Nội dung :**

- Tư tưởng nhân nghĩa tiến bộ

- 5 yếu tố làm nên chân lí về sự tồn tại của độc lập dân tộc.

- Sức mạnh của nhân nghĩa là nguyên nhân của mọi thắng lợi.

- Bài cáo được coi là bản tuyên ngôn độc lập lần thứ hai của dân tộc Đại Việt.

**II. BÀI TẬP**

**Bài 1**. **Sức thuyết phục của văn chính luận Nguyễn Trãi là ở chỗ kết hợp giữa lí lẽ và thực tiễn. Qua đoạn trích trên, hãy chứng minh.**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

**Bài 2**.**Trên cơ sở so sánh với bài Sông núi nước Nam, hãy chỉ ra sự tiếp nối và phát triển của ý thức dân tộc trong đoạn trích “Nước Đại Việt ta” ?**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

**TUẦN 24, TIẾT 91**

**HÀNH ĐỘNG NÓI, HÀNH ĐỘNG NÓI (TIẾP THEO)**

**I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. Hành động nói** :(Tập trung phần II ,Luyện tập )

**a.Hành động nói là gì ?**

\*Hành động nói là hành động được thực hiện bằng lời nói nhằm mục đích nhất định.

+Ví dụ : Con trăn ấy là của vua nuôi đã lâu. Nay em giết nó, tất không khỏi bị tội chết.Thôi, bây giờ nhân trời chưa sáng em hãy trốn ngay đi. Có chuyện gì để anh ở nhà lo liệu.

- Lời nói trên của Lí Thông có mục đích nhằm đuổi Thạch Sanh đi để cướp công, đó là lời nói có mục đích, được gọi là hành động nói.

**b**.**Một số kiểu hành động nói thường gặp** :

Người ta dựa theo mục đích của hành động nói mà đặt tên cho nó. Có 5 nhóm hành động nói :

- **Hỏi** : Vậy thì bữa sau con ăn ở đâu ?

- **Trình bày** (gồm báo tin, kể, tả, nêu ý kiến, dự đoán..)

+ Ví dụ : Con sẽ ăn ở nhà cụ Nghị thôn Đoài (Hành động báo tin- thuộc nhóm trình bày)

-**Điều khiển** : (gồm cầu khiến, đe dọa, thách thức..)

+ Ví dụ : Thôi, bây giờ nhân trời chưa sáng em hãy trốn ngay đi

- **Hứa hẹn** : Có chuyện gì để anh ở nhà lo liệu.

- **Bộc lộ cảm xúc** : Khốn nạn thân con thế này! Trời ơi!..

**2.Bài tập**

**Bài tập 1/sgk/trang 63 Trần Quốc Tuấn viết *Hịch tướng sĩ* nhằm mục đích gì? Hãy xác định mục đích của hành động nói thể hiện ở một câu trong bài hịch và vai trò của câu ấy đối với việc thực hiện mục đích chung.**

**Trả lời**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Bài tập 3 (trang 65 /sgk): Đoạn trích dưới đây có ba câu chứa từ hứa. Hãy xác định kiểu hành động nói được thực hiện trong mỗi câu ấy**.

Em đi nhanh về chiếc giường, đặt con Em Nhỏ quàng tay vào con Vệ Sĩ.

- Em để nó ở lại – Giọng em ráo hoảnh – Anh phải hứa với em không bao giờ để chúng ngồi cách xa nhau (a). Anh nhớ chưa? Anh hứa đi (b).

- Anh xin hứa (c).

Tôi mếu máo trả lời và đứng như chôn chân xuống đất, nhìn theo cái bóng bé nhỏ liêu xiêu của em tôi trèo lên xe.

(Khánh Hoài, ***Cuộc chia tay của những con búp bê***)

**Trả lời**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………….................

**3.Hành động nói** (**Tiếp theo)**

**a.Cách thực hiện hành động nói**

- Có hai cách thực hiện hành động nói :

**\*Cách 1**: **Cách dùng trực tiếp**

-Khi mỗi hành động nói được thực hiện bằng chức năng chính của kiểu câu đó.

+ Ví dụ :Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi được cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm.

* Ba câu trần thuật trong ví dụ trên được dùng với mục đích trình bày, đây là chức năng chính của câu trần thuật.Vì vậy ba câu trên cách thực hiện hành động nói là trực tiếp.

\***Cách 2: Cách dùng gián tiếp :**

- Khi một câu thực hiện hành động nói bằng cách mượn chức năng của kiểu câu khác thì gọi là cách dùng gián tiếp.

+ **Ví dụ 1**: Bổn phận của chúng ta là làm cho những của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày. Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến.

* Cả hai câu trần thuật trên đều được dùng để điều khiển(điều khiển vốn là chức năng của câu cầu khiến) nên gọi là cách dùng gián tiếp.

**Hoặc** **ví dụ 2**: Cậu cho tớ mượn cái bút này được không ?

* Đây là câu nghi vấn – chức năng là cầu khiến – nên cách dùng là gián tiếp.

**II. BÀI TẬP**

Đây là tiết nội dung đã được giảm tải nên khuyến khích các em làm bài tập 2,3.

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH** ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

.

**TUẦN 25, TIẾT 93** **ÔN TẬP VỀ LUẬN ĐIỂM (KKHSTL)**

**VIẾT ĐOẠN VĂN TRÌNH BÀY LUẬN ĐIỂM**

**A.ÔN TẬP VỀ LUẬN ĐIỂM** (Khuyến khích học sinh tự làm)

**I. KHÁI NIỆM VỀ LUẬN ĐIỂM**

Câu 1: Chọn (c): luận điểm là những tư tưởng, quan điểm, chủ trương cơ bản mà người viết (nói) nêu ra trong bài văn nghị luận

**Câu 2:**

**a.** Bài "*Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*" có những luận điểm:

- Nhân dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước.(LĐ xuất phát)

- Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta.

- Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước.

- Bổn phận của chúng ta phải làm cho tinh thần yêu nước được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến.(LĐ chính)

**b. Xác định hai luận điểm như vậy là đúng. Vì đây là 2 câu trả lời cho luận đề "*Cần phải dời đô đến Đại La*", một câu căn cứ vào lịch sử, một câu căn cứ vào thực tế thành Đại La.**

**II.MỐI QUAN HỆ GIỮA LUẬN ĐIỂM VỚI VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT TRONG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**

**Câu 1:SGK/73**

**a.** Vấn đề được đặt ra trong bài "Tinh thần yêu nước của nhân dân ta" là tinh thần yêu nước của nhân dân ta. Nếu trong bài, Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra luận điểm "Đồng bào ta ngày nay có lòng yêu nước nồng nàn" thì chưa đủ làm sáng tỏ vấn đề.

**b.** Nếu Lí Công Uẩn chỉ đưa ra luận điểm "Các triều đại trước đây đã nhiều lần thay đổi kinh đô" thì mục đích của nhà vua khi ban "Chiếu dời đô" có thể không đạt. Vì chừng đó chưa đủ sáng tỏ vấn đề "cần phải dời đô đến Đại La".

**Câu 2:** (SGK/74)Luận điểm với vấn đề cần giải quyết trong bài văn nghị luận có mối quan hệ chặt chẽ. Luận điểm cần phải xác thực, phù hợp với yêu cầu giải quyết vấn đề và phải đủ để làm sáng tỏ toàn bộ luận đề.

**III.MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC LUẬN ĐIỂM TRONG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**:

**Câu 1:** Hệ thống thứ nhất là hệ thống đúng.

**Câu 2:** Các luận điểm trong một bài văn vừa liên kết chặt chẽ, lại vừa cần có sự phân biệt với nhau.Các luận điểm phải được sắp xếp theo một trình tự hợp lí :Luận điểm nêu trước chuẩn bị cơ sở cho luận điểm nêu sau, còn luận điểm nêu sau dẫn đến luận điểm kết luận.

**\*Bài học :**Ghi nhớ /sgk/75

**IV.LUYỆN TẬP**

**Bài 1/Sgk/75:** Bài tập về nhà(HS tự làm)

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Bài 2:Sgk/75, 76**

Có thể sắp xếp các luận điểm đã được lựa chọn và sửa chữa theo trình tự dưới đây:

- Giáo dục luôn luôn gắn liền với mọi vấn đề của xã hội, nó có tác dụng kìm nén hoặc thúc đẩy sự phát triển của xã hội.

- Giáo dục càng có ý nghĩa lớn đối với sự phát triển trong tương lai của nhân loại, vì nó tạo ra mọi tiền đề cho sự phát triển đó.

- Giáo dục trực tiếp đào tạo những chủ nhân của xã hội tương lai.

- Giáo dục là chìa khóa cho sự phát triển khoa học, tăng trưởng kinh tế, điều chỉnh tỉ lệ dân số, tạo cân bằng môi trường sinh thái, ... đem lại sự công bằng, dân chủ, văn minh.

- Giáo dục là chìa khóa của tương lai.

**B. VIẾT ĐOẠN VĂN TRÌNH BÀY LUẬN ĐIỂM**

**I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. Trình bày luận điểm thành một đoạn văn nghị luận**

Khi trình bày luận điểm trong đoạn văn nghị luận cần:

\*Thể hiện rõ ràng, chính xác nội dung của luận điểm trong câu chủ đề.

+ **Ví dụ 1**: Ở đoạn a và đoạn b đều có câu chủ đề (Sgk/79)

Câu chủ đề ở đoạn a: Thật là chốn hội tụ trọng yếu của bốn phương đất nước; cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời.

Câu chủ đề ở đoạn b: Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước.

* Khi câu chủ đề đặt ở vị trí đầu đoạn văn (đoạn b) : Đoạn văn diễn dịch
* Các câu sau triển khai tiếp ý của câu chủ đề
* Khi câu chủ đề đứng cuối đoạn văn (đoạn a) : Đoạn văn quy nạp
* Khái quát lại nội dung của toàn đoạn văn

\*Tìm đủ các luận cứ cần thiết, tổ chức lập luận theo một trật tự hợp lí là nổi bật luận điểm:

+ **Ví dụ 2** : Xét đoạn văn mục 2/sgk/80 : Ở màn đầu chương XIII….của giai cấp nó ra.

a.Ta thấy Lập luận là cách nêu luận cứ để dẫn đến luận điểm. Lập luận phải chặt chẽ, hợp lý thì bài văn mới có sức thuyết phục.

- Luận điểm trong đoạn văn: “Cho thằng nhà giàu rước chó vào nhà, nó mới càng hiện chất chó đểu của giai cấp nó ra”

 - Cách lập luận: tác giả đã dùng phép tương phản

b. Cách lập luận trong đoạn văn đã làm cho luận điểm trở nên sáng tỏ, chính xác và có sức thuyết phục mạnh mẽ.

c. Cách sắp xếp ý trong đoạn văn hợp lý. Nếu tác giả xếp nhận xét Nghị Quế “đùng đùng giở giọng chó má ngay với mẹ con chị Dậu” lên trên và đưa nhận xét “vợ chồng địa chủ cũng... thích chó, yêu gia súc” xuống dưới thì hiệu quả của đoạn văn sẽ không đúng trình tự trước sau của bản thân sự việc là làm nổi bật luận điểm “chất chó đểu của giai cấp nó”.

d.Trong đoạn văn, những cụm từ “chuyện chó con”, “giọng chó má”, “thằng nhà giàu rước chó vào nhà”, “chất chó đểu của giai cấp nó” được xếp cạnh nhau làm cho sự trình bày luận điểm thêm chặt chẽ và hấp dẫn vì vừa xoay vào một ý tứ chung, vừa khiến bản chất thú vật của bọn địa chủ hiện ra thành hình ảnh rõ ràng, lí thú.

**2.Bài học** : Ghi nhớ/sgk/81

**II. BÀI TẬP**

**Bài 1 (trang 82, SGK Ngữ văn 8, tập 2) HS tự làm**

**Đọc hai câu văn sau và diễn đạt ý mỗi câu thành một luận điểm ngắn, gọn, rõ.**

**Trả lời:**

Diễn đạt thành luận điểm ngắn gọn:

a…………………………………………………………………………………………..

b……………………………………………………………………………………………

**Bài 2. (trang 82, SGK Ngữ văn 8, tập 2)**

Đoạn văn sau đây trình bày luận điểm gì và sử dụng các luận cứ nào? Hãy nhận xét về cách sắp xếp luận cứ và cách diễn đạt của đoạn văn.

*Tôi thấy Tế Hanh là một người tinh lắm. Tế Hanh đã ghi được đôi nét rất thần tình về cảnh sinh hoạt chốn quê hương. Người nghe thấy cả những điều không hình sắc, không thanh âm như “mảnh hồn làng” trên “cánh buồm giương”, như tiếng hát của hương đồng quyến rũ con đường quê nho nhỏ. Thơ Tế Hanh đưa ra vào một thế giới rất gần gũi thường ta chỉ thấy một cách mờ mờ, cái thế giới những tình cảm ta đã âm thầm trao cho cảnh vật: sự mỏi mệt say sưa của con thuyền lúc trở về bên, nỗi khổ đau chất chứa trên toa tàu nặng trĩu, những vui buồn sầu tủi của một con đường.*

*(Hoài Thanh, Thi nhân Việt Nam)*

**Trả lời:**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

**Bài 3. (trang 82, SGK Ngữ văn 8, tập 2)**

**Viết các đoạn văn ngắn triển khai ý các luận điểm sau:**

 a, Cho luận điểm: " Học phải kết hợp với làm bài tập mới hiểu bài".

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

  b, Luận điểm: " Học vẹt không phát triển được năng lực tư duy".

 ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**TUẦN 25**

**TIẾT 94** **VĂN BẢN** **BÀN LUẬN VỀ PHÉP HỌC**

**(Luận học pháp)**

**I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. Tìm hiểu chung** :

**a.Tác giả** :

- Nguyễn Thiếp (1723-1804) tự là Khải Xuyên, hiệu là Lạp Phong Cư Sĩ, người đương thời kính trọng gọi là La Sơn Phu Tử, quê ở làng Mật Thôn, xã Nguyệt Ao, huyện La Sơn ( nay là Đức Thọ) Hà Tĩnh.

- Nguyễn Thiếp là người thiên tư sáng suốt, học rộng hiểu sâu, từng đỗ đạt, làm quan dưới triều Lê nhưng sau đó từ quan về dạy học.

**b.Tác phẩm** :

**\*Xuất xứ** : “Bàn luận về phép học” là phần trích từ bài tấu của Nguyễn Thiếp gửi vua Quang Trung vào tháng 8 năm 1791.Văn bản chỉ rõ mục đích của việc học là để làm người có đạo đức, có tri thức, góp phần làm hưng thịnh cho đất nước.

**\*Thể loại** : Tấu

+ Tấu là một loại văn thư của bề tôi, thần dân gửi lên vua chúa để trình bày sự việc, ý kiến, đề nghị (khác với tấu trong nghệ thuật hiện đại là loại hình kể chuyện, biểu diễn trước công chúng, thường mang yếu tố hài)

+ Tấu có thể được viết bằng văn xuôi hay văn vần, văn biền ngẫu.

**\*Bố cục : 4 đoạn**

- Đoạn 1:*Ngọc không mài …điều tệ hại ấy:* Bàn luận về mục đích của việc học.

- Đoạn 2:*Cúi xin từ nay…Xin chớ bỏ qua:* Bàn luận về việc đổi mới phương pháp học.

- Đoạn 3:*Đạo học thành…thiên hạ thịnh trị:* Hiệu quả, tác dụng của việc học chân chính.

- Đoạn 4: *Đó là…tấu trình:* Kết luận

**c.Đọc, chú thích :** HS đọc kĩ văn bản, tìm hiểu một số từ khó trong phần chú thích

**2. Đọc – tìm hiểu văn bản**:

**a.Mục đích chân chính của việc học :**

- Tác giả dùng câu châm ngôn có hình ảnh đẹp với hai vế tương xứng :

+ Ngọc không mài - không thành đồ vật

+ Người không học - không biết rõ đạo

* Cách nói phủ định hai lần làm tăng sự mạnh mẽ, thuyết phục trong việc khái quát mục đích chân chính của việc học.

- Tiếp đến, tác giả lại giải thích khái niệm đạo - một khái niệm vốn rất phức tạp, đa nghĩa một cách rất dễ hiểu, giản dị: Đạo là lẽ sống đúng và đẹp, là mối quan hệ xã hội giữa con người với con người.

- Tác giả phê phán lối học hình thức, cầu danh, cầu lợi, không theo chính học, không thực học.

- Hậu quả thật thảm khốc, khôn lường: Chúa tầm thường (các vua Lê, chúa Trịnh – Lê Cảnh Hưng, Lê Chiêu Thống, Trịnh Sâm, Trịnh Khải…- đều là bạo chúa hoang dâm, bù nhìn, hèn nhát, tầm thường…và bán nước) 🡪 thần thì nịnh hót 🡪 nước mất, nhà tan…!

* Sự chân thành,thẳng thắn của một người hết lòng vì sự học, vì đất nước.

**b.Bàn luận về đổi mới phương pháp học** :

- Đổi mới hình thức học: Sự phát triển rộng rãi của việc học đến tận phủ, huyện, trường tư tạo sự thuận lợi cho con em và các gia đình khi đi học. Phổ cập hoá, phát triển giáo dục theo diện rộng trên toàn quốc.

- Đổi mới nội dung học: Nội dung kiến thức Nho học từ thấp đến cao, từ tiểu học đến đại học.

­ - Đổi mới phương pháp học: Học kiến thức từ cơ bản đến phức tạp, từ thấp đến cao, từ ít đến nhiều rồi thâu tóm lại cho dễ nhớ. Học để làm, học kết hợp với hành, học để áp dụng vào thực tế cuộc sống.

* Đó là những chủ trương tuy ngắn gọn, chưa thật cụ thể nhưng rất đúng đắn, rất tiến bộ với tư cách là một nhà giáo dục lão thành.

**c.Hiệu quả, tác dụng của việc học đúng đắn:**

- Nhiều nhân tài, đất nước mới vững, lòng người mới yên, xã hội mới phát triển.

**3.Tổng kết** :

**a.Nghệ thuật** :

- Luận điểm rõ ràng, chặt chẽ

- Lời văn khúc chiết, ngắn gọn, cô đọng, giàu hình ảnh

**b.Nội dung :**

- Quan điểm tiến bộ về sự học : học để làm người có đạo đức, có tri thức, góp phần làm hưng thịnh đất nước, chứ không phải để cầu danh lợi.

- Muốn học tốt phải có phương pháp, học cho rộng nhưng phải nắm cho gọn, đặc biệt, học phải đi đôi với hành.

**II.LUYỆN TẬP**

**Bài 1: Xác định trình tự lập luận của đoạn văn bằng một sơ đồ**: HS điền phần còn thiếu vào sơ đồ

**Sơ đồ lập luận của đoạn văn**

**Mục đích chân chính của việc học**

Đổi mới phương pháp học

Đổi mới hình thức học

Đổi mới nội dung học

**Tác dụng của việc học chân chính**

Đối với đất nước

Đối với con người

Đối với xã hội

**Bài 2:Chỉ ra sự cần thiết và tác dụng của phương pháp “học đi đôi với hành”**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ …………………………………………………………………………………………….

**TUẦN 25**

**TIẾT 95** **BÀI LUYỆN TẬP VÀ XÂY DỰNG LUẬN ĐIỂM**

**I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. Xây dựng hệ thống luận điểm**

Xây dựng hệ thống luận điểm cho đề bài sau: “*Hãy viết một bài báo tường để khuyên một số bạn trong lớp cần phải học tập chăm chỉ”*

* Nhận xét luận điểm đã cho:

+ Luận điểm a: thừa ý “*lao động tốt*”

+ Luận điểm b,d: sắp xếp chưa hợp lý

+ Thiếu một số luận điểm nên vấn đề chưa được làm sáng rõ.

- Bổ sung, sắp xếp lại luận điểm cho hợp lí:

*a. Đất nước đang rất cần những người tài giỏi để đẩy nhanh nhịp độ xây dựng, phát triển về mọi mặt.*

*b. Quanh ta có nhiều bạn học sinh phấn đấu học giỏi, để đáp ứng được yêu cầu của đất nước.*

*c. Muốn học giỏi, đòi hỏi người học phải chăm chỉ, tự giác.*

*d. Trong lớp ta, một số bạn còn ham chơi, chưa chăm học, làm cho thầy cô và cha mẹ phiền lòng.*

*e. Các bạn ấy chưa thấy rằng, nếu bây giờ càng chơi bời, không chịu học thì sau này càng khó có niềm vui trong cuộc sống.*

*g. Vậy, các bạn nên bớt vui chơi, chịu khó học tập chăm chỉ để trở thành người có ích cho cuộc sống, và nhờ đó, tìm được niềm vui chân chính và lâu bền.*

**2. Trình bày luận điểm**

a. Để giới thiệu luận điểm có thể dùng cách (1) hoặc cách (3)

b. Thứ tự sắp xếp luận cứ đúng: (2) (3) (1) (4)

c. Kết thúc đoạn văn có thể sử dụng câu hỏi:

Ví dụ: “*Lúc bấy giờ, các bạn muốn vui chơi nữa liệu có được không?”*

d. Đoạn văn diễn dịch có thể chuyển đổi thành đoạn văn quy nạp và ngược lại nhưng cần đảm bảo không thay đổinội dung cơ bản, mối quan hệ ngữ pháp và các ý nghĩa của các luận cứ phải chặt chẽ. Muốn thế cần thay đổi vị trí câu chủ đề, thêm bớt thay đổi từ ngữ liên kết các câu cho phù hợp

(HS tự hình thành đoạn văn và biến đổi)

**II. BÀI TẬP**

**Viết đoạn văn trình bày luận điểm sau:**

“*Đọc sách là công việc vô cùng bổ ích, vì nó giúp ta hiểu biết thêm về đời sống”*

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ........................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 25, TIẾT 96**

**BÀI HỘI THOẠI, HỘI THOẠI (TT)**

**I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. Vai xã hội**

Tìm hiểu ví dụ:

(1) Người cô của Hồng: ở vị trí vai trên

- Chú bé Hồng: ở vị trí vai dưới.

*Quan hệ trên - dưới (căn cứ vào quan hệ gia đình)*

(2) Người cô đã xử sự không đúng với tình cảm ruột thịt, và bà cô là người lớn có thái độ không đúng với cháu của mình. (xưng “tao” gọi “mày” thể hiện sự thiếu gần gũi)

(3) Hồng đã kìm nén thể hiện sự lễ phép: Hồng gọi “*cô*” xưng “*cháu*”

*“ …tôi cúi đầu không đáp/ …tôi lại im lặng cúi đầu xuống đất/…cổ họng tôi đã nghẹn ứ khóc không ra tiếng*”

Vì: Hồng ở vai dưới có bổn phận tôn trọng người trên

Bài học:

- Vai xã hội là vị trí của người tham gia hội thoại đối với người khác trong cuộc thoại.

- Vai xã hội được xác định bằng các quan hệ xã hội .

+ Quan hệ trên - dưới hay ngang hàng *(theo tuổi tác, thứ bậc trong gia đình và xã hội)*

+ Quan hệ thân – sơ *(mức độ quen biết)*

- Quan hệ xã hội vốn rất đa dạng nên vai xã hội của mỗi người cũng đa dạng, nhiều chiều. Khi tham gia hội thoại, mỗi người cần xác định đúng vai của mình để chọn cách nói cho phù hợp.

**2. Lượt lời trong hội thoại**

Tìm hiểu ví dụ:

* Người cô: có 6 lượt
* Bé Hồng: có 2 lượt
* Có 2 lần bé Hồng im lặng khi đến lượt lời của mình (Thể hiện thái độ bất bình)
* Bé Hồng không cắt lời của người cô khi người cô đang nói (Tôn trọng vai xã hội, giữ thái độ lễ phép)

Bài học:

**-** Trong hội thoại, ai cũng được nói. Mỗi lần có người tham gia hội thoại nói được gọi là một lượt lời.

- Để giữ lịch sự, cần tôn trọng lượt lời của người khác, tránh nói tranh, cắt lời hoặc chêm vào lời người khác.

- Nhiều khi, im lặng khi đến lượt lời của mình cũng là một cách biểu thị thái độ.

**II. BÀI TẬP**

**1. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi**:

*“Tôi nắm lấy cái vai gầy của lão, ôn tồn bảo:*

*- Chẳng kiếp gì sung sướng thật, nhưng có cái này là sung sướng: bây giờ cụ ngồi xuống phản này chơi, tôi đi luộc mấy củ khoai, nấu một ấm nước chè tươi thật đặc; ông con mình ăn khoai, uống nước chè, rồi hút thuốc lào… Thế là sung sướng.*

*- Vâng! Ông giáo dạy phải! Đối với chúng mình thì thế là sung sướng.*

*Lão nói xong lại cười đưa đà. Tiếng cười gượng nhưng nghe đã hiền hậu trở lại. Tôi vui vẻ bảo:*

*- Thế là được, chứ gì? Vậy cụ ngồi xuống đây, tôi đi luộc khoai, nấu nước.*

*- Nói đùa thế, chứ ông giáo cho để khi khác.”*

*(Nam Cao, Lão Hạc)*

a) Dựa vào đoạn trích và những điều em đã biết về truyện “Lão Hạc”, hãy xác định vai xã hội của hai nhân vật tham gia cuộc thoại trên?

b) Tìm những chi tiết trong lời thoại của nhân vật và lời miêu tả của nhà văn cho thấy thái độ vừa kính trọng, vừa thân tình của nhân vật ông giáo đối với lão Hạc.

c) Tìm những chi tiết trong lời thoại của nhân vật và lời miêu tả của nhà văn cho thấy thái độ vừa kính trọng, vừa thân tình của nhân vật ông giáo đối với lão Hạc.

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**2. Dựa vào những điều đã biết về truyện Bức tranh của em gái tôi (Ngữ văn 6 tập hai, tr.30) và vào đoạn trích dưới đây, hãy cho biết sự im lặng của nhân vật “tôi” biểu thị điều gì?**

*Trong tranh, một chú bé đang ngồi nhìn ra cửa sổ, nơi bầu trời trong xanh. Mặt chú bé như toả ra một thứ ánh sáng rất lạ […]. Mẹ hồi hộp thì thầm vào tai tôi:*

*- Con có nhận ra con không?*

*Tôi giật sững người. Chẳng hiểu sao tôi phải bám chặt lấy tay mẹ. Thoạt tiên là sự ngỡ ngàng, rồi đến hãnh diện, sau đó là xấu hổ. Dưới mắt em tôi, tôi hoàn hảo đến thế kia ư? Tôi nhìn như thôi miên vào dòng chữ đề trên bức tranh: “Anh trai tôi”. Vậy mà dưới mắt tôi thì…*

*- Con đã nhận ra con chưa? – Mẹ vẫn hồi hộp.*

*Tôi không trả lời mẹ vì tôi muốn khóc quá. Bởi vì nếu nói được với mẹ, tôi sẽ nói rằng: “ Không phải con đâu. Đấy là tâm hồn và lòng nhân hậu của em con đấy”.*

*(*Tạ Duy Anh*, Bức tranh của em gái tôi)*

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................. **III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 25, TIẾT 99**

**BÀI TÌM HIỂU YẾU TỐ BIỂU CẢM TRONG VĂN NGHỊ LUẬN**

**I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. Phân tích ngữ liệu:**

Văn bản 1: “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”

Từ ngữ biểu cảm và câu cảm thán:

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ ngữ biểu cảm** | *Hỡi, muốn, nhân nhượng, lấn tới quyết tâm, không, thà,*  *nhất định, hễ là, ai cũng phải* |
| **Câu cảm thán** | *- Hỡi đồng bào toàn quốc!*  *- Hỡi đồng bào!*  *- Chúng ta phải đứng lên!*  *- Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân!*  *- Thắng lợi nhất định về dân tộc ta!*  *- Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm!*  *- Kháng chiến thắng lợi muôn năm!* |
| **Tác dụng** | Tăng sức truyền cảm cho lời kêu gọi |

Văn bản Hịch tướng sĩ”

Cách diễn đạt ở cột 2 giàu sức biểu cảm hơn

**2. Yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận**

- Người làm văn ngoài việc chỉ cần trình bày luận điểm, lập luận chặt chẽ, còn cần phải thật sự xúc động trước những điều mà mình đang viết (nói).

Lưu ý:

*(1) Yếu tố biểu cảm chỉ cần thiết và có giá trị khi:*

- Giúp cho sự nghị luận đạt được hiệu quả thuyết phục cao.

- Không được để cho yếu tố biểu cảm tách rời khỏi quá trình nghị luận, cản trở mạch lạc nghị luận hay làm mờ đi vai trò của nghị luận.

*(2) Trong một bài văn nghị luận, yếu tố biểu cảm được biểu hiện dưới các dạng sau:*

- Quan điểm của người viết (tính khẳng định hay phủ định)

- Cảm xúc của người viết (yêu, ghét, khen, chê, căm giận, quí mến, lo âu, tin tưởng. . . )

- Giọng văn: mạnh mẽ, đanh thép hay thiết tha, truyền cảm.

Tất cả, được thể hiện qua cách dùng từ, đặt câu, tu từ…

**II. BÀI TẬP**

**1. Đọc đoạn văn nghị luận dưới đây và cho biết:**

- Những cảm xúc gì đã được biểu hiện qua đoạn văn?

- Tác giả đã làm thế nào để những đoạn văn đó không chỉ có sức thuyết phục lí trí mà còn gợi cảm?

“*Tôi muốn nói với các bạn câu chuyện làm Việt luận và học Việt văn, luôn thể giãi bày hết nỗi khổ tâm của người anh các bạn đã đeo một cái “nghiệp” vào người: “nghiệp” dạy tiếng mẹ đẻ.*

*Nỗi buồn thứ nhất là thấy các bạn có quan niệm học “tủ”. Ông thầy dạy giỏi đối với các bạn là ông thầy giảng và soạn sách đúng “tủ”.*

*Nói làm sao cho các bạn hiểu rằng trong 7,8 năm trời, nào nhận xét, đọc sách, xem truyện, giảng văn…, nào tập dùng chữ, đặt câu, dàn ý, làm bài, tôi thiết tưởng một học sinh, với khiếu thông minh, trí nhớ trung bình, không có lí do gì phẩm nhấm bút trước một đề văn trong kì thi viết.*

*Sự học mà đã hạ xuống là học “tủ” thì chúng tôi cũng không còn cần làm việc cùng các bạn nữa. Sao không có một “hãng” nào đó in ra độ 500 bài làm sẵn để học sinh cứ việc mang về học thuộc như con vẹt, rồi đem nguyên văn chép lại cho hội đồng chấm thi duyệt xem chép sai hay đúng, việc gì còn phải lôi thôi bày đặt ra chương trình học tập để bắt trẻ em ngày ngày phải đến trường?*

(TheoNghiêm Toản*, Luận văn thị phạm)*

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**2. Viết một đoạn văn đoạn nghị luận để trình bày luận điểm: “*Chúng ta không nên học vẹt và học tủ. Đoạn văn phải vừa có lí lẽ chặt chẽ, vừa có sức truyền cảm”*.**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ...............................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 26, TIẾT 100**

**BÀI LUYỆN TẬP ĐƯA YẾU TỐ BIỂU CẢM VÀO BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**

**I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. Tìm hiểu đề, tìm ý**

*Đề bài*: "Sự bổ ích của những chuyến tham quan, du lịch đối với học sinh". Lập dàn ý các luận điểm và luận cứ cần thiết”

- Vấn đề nghị luận: Ích lợi của việc tham quan du lịch đối với học sinh

- Xây dựng và sắp xếp lại hệ thống luận điểm: *d) e)a)c)b)*

- Lập dàn ý:

*Mở bài*:Nêu lợi ích của việc tham quan.

*Thân bài*:Nêu các lợi ích cụ thể

- Về thể chất: Những chuyến tham quan du lịch có thể giúp chúng ta thêm khoẻ mạnh.

- Về tình cảm: Những chuyến tham quan du lịch có thể giúp chúng ta:

+ Tìm thêm được thật nhiều niềm vui cho bản thân mình.

+ Có thêm tình yêu đối với thiên nhiên, với quê hương đất nước.

- Về kiến thức: Những chuyến tham quan du lịch có thể giúp chúng ta:

+ Hiểu cụ thể hơn, sâu hơn những điều được học ở trường lớp qua những điều mắt thấy tai nghe.

+ Đưa ra nhiều bài học có thể chưa có trong sách vở của nhà trường.

*Kết bài*:

- Khẳng định tác dụng của hành động tham quan du lịch.

**2. Đưa yếu tố biểu cảm vào đoạn văn nghị luận**

- Phát hiện yếu tố biểu cảm trong đoạn văn trích “Đi bộ ngao du”: *vui vẻ, khoan khoái và hài lòng với tất cả/ Ta hân hoan biết bao khi về gần đến nhà!/ Một bữa cơm đạm bạc mà sao có vẻ ngon lành thế!/ Ta thích thú biết bao khi lại ngồi vào bàn ăn! / Ta ngủ ngon giấc biết bao trong một cái giường tồi tàn!*

- Học sinh viết đoạn văn trình bày luận điểm có sử dụng yếu tố biểu cảm: “*Những chuyến tham quan, du lịch đem đến cho ta thật nhiều niềm vui”*

*(Gợi ý: -* Trước khi đi: rất hồi hộp, náo nức chờ đợi

* Trong khi đi: ngạc nhiên, thích thú, sung sướng ngỡ ngàng
* Sau khi đi: cảm động, hài lòng, có chút gì đó tiếc nuối)

**II. BÀI TẬP**

**Viết đoạn văn trình bày có sử dụng yếu tố biểu cảm với luận điểm sau: “*Những chuyến tham quan du lịch giúp ta hiểu cụ thể hơn, sâu hơn những điều được học ở trường lớp qua những điều mắt thấy tai nghe”***

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 27, TIẾT 101 TỰ HỌC CÓ HƯỚNG DẪN**

**BÀI**

**ĐI BỘ NGAO DU**

**ÔNG GIUỐC-ĐANH MẶC LỄ PHỤC**

**I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. Đi bộ ngao du (Ru-Xô)**

**Giới thiệu tác giả và vị trí đoạn trích**

- Ru-xô (1712-1778) là nhà văn, nhà triết học, có tư tưởng tiến bộ nước Pháp ở thế kỉ XVIII.

- Văn bản trích trong quyển V “Ê-min hay Về giáo dục” (1762), nêu lên quan điểm giáo dục của tác giả.

**Tìm hiểu văn bản:**

- Lợi ích của việc đi bộ:

+ Đi bộ ngao du giúp tinh thần thoải mái, không bắt buộc, không phụ thuộc.

+ Đi bộ ngao du đem lại cơ hội trau dồi kiến thức, hiểu biết.

+ Đi bộ ngao du có tác dụng rốn luyện sức khỏe.

- Trật tự luận điểm: Thể hiện con người Ru-xô giản dị, luôn khao khát tự do, ham học hỏi

- Bài văn nghị luận sinh động:

+ Đan xen lý luận trừu tượng (gắn với “ta”) và trải nghiệm cá nhân (gắn với “tôi”)

+ Luận điểm rõ ràng, luận cứ phong phú, sử dụng hiệu quả yếu tố biểu cảm, tự sự

**2. Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục**

**Giới thiệu tác giả và vị trí đoạn trích**

- Mô-li-e (1622 -1673) nhà soạn kịch nổi tiếng người Pháp

- Đoạn trích là lớp kịch kết thúc hồi 2, trích vở kịch 5 hồi *Trưởng giả học làm sang*

**Tìm hiểu văn bản:**

* Lớp kịch gồm 2 cảnh:

- Cảnh trước

+ Lời thoại của ông Giuôc-đanh và bác phó may

+ Có 4 nhân vật là ông Giuôc-đanh, gia nhân, bác phó may và một tay thợ phụ.

+ Lời thoại kèm theo cử chỉ, động tác.

- Cảnh sau

+ Gồm lời thoại của ông Giuôc-đanh và bốn tay thợ phụ - Nhộn nhịp hơn

+ Cảnh sau có thêm bốn tay thợ phụ - Sôi động hơn.

+ Lời thoại kèm theo động tác, có âm nhạc và nhảy múa.

* Ông Giuốc-Đanh và bác phó may:

- Ông Giuốc-Đanh phát hiện ra áo may hoa ngược nhưng bác phó may đã bịa ra lí lẽ những người quý phái đều mặc như vậy thì ông ưng thuận ngay.

- Ông Giuốc-Đanh lại phát hiện ra bác phó may ăn bớt vải của mình và trách móc phó may. Bác phó may liền đánh lảng sang chuyện khác, hỏi ông có muốn thử bộ lễ phục không? Thế là ông Giuốc-Đanh quên ngay.

* Ông Giuốc-Đanh và tay thợ phụ:

- Sau khi mặc lễ phục cho ông Giuốc-Đanh xong, các tay thợ phụ dùng mánh khoé nịnh hót để moi tiền ông. Thấy ông mắc mưu, chúng cứ lấn tới.

- Ông Giuốc-Đanh mặc dù tiếc tiền nhưng vì học đòi làm sang ông sẵn sàng cho hết tiền

* Ông Giuốc-Đanh - nhân vật gây cười:

- Khán giả cười ông Giuốc-Đanh ngu dốt, bị lừa gạt mà vẫn hí hửng

- Khán giả còn cười khi thấy trên sân khấu ông Giuốc-Đanh lố lăng, bị lột quần áo thế mà vẫn ra vẻ ta đây là nhà quý tộc.

**II. BÀI TẬP**

**1. Em có nhận xét gì về chân dung của nhà văn Ru-xô hiện lên qua trích đoạn “Đi bộ ngao du”?**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**2. Trong trích đoạn “Đi bộ ngao du”có khi tác giả sử dụng đại từ nhân xưng “tôi”, có khi lại xưng “ta”. Điều đó giúp em học hỏi được điều gì trong văn nghị luận của**

**Ru-xô?**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**3. Về nhân vật Giuốc-đanh, có hai bạn tranh luận với nhau. Em đồng tình với ý kiến nào?**

*Tuấn Tú : Xây dựng nhân vật ông Giuốc-đanh, Mô-li-e muốn thể hiện lòng căm thù mãnh liệt giai cấp quý tộc và tư sản của ông*

*Quỳnh Anh: Ông Giuốc-đanh là nhân vật tiêu biểu cho tính cách xấu: muốn làm sang để tỏ vẻ quý phái. Thông qua nhân vật này, Mô-li-e muốn chế giễu những thói hư tật xấu trong thời đại ông*

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... ....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 27, TIẾT 102**

**BÀI LỰA CHỌN TRẬT TỰ TỪ TRONG CÂU (2 TIẾT)**

**I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. Nhận xét chung**

- Có thể thay đổi cách sắp xếp từ ngữ trong câu: “*Gõ đầu roi xuống đất, cai lệ thét bằng giọng khàn khàn của người hút nhiều xái cũ*”

(1): *Cai lệ gõ đầu roi xuống đất, thét bằng giọng khàn khàn của người hút nhiều xái cũ.*

*(2): Cai lệ thét bằng giọng khàn khàn của người hút nhiều xái cũ, gõ đầu roi xuống đất.*

*(3): Thét bằng giọng khàn khàn của người hút nhiều xái cũ, cai lệ gõ đầu roi xuống đất.*

- Cách sắp xếp trật tự từ của Ngô Tất Tố nhằm liên kết câu trước, nhấn mạnh hành động qua đó thể hiện tính cách nhân vật Cai lệ.

Kết luận: Trong một câu có thể có nhiều cách sắp xếp trật tự từ, mỗi cách đem lại hiệu quả diễn đạt riêng. Người nói (Người viết) cần biết lựa chọn trật tự từ thích hợp với yêu cầu giao tiếp.

**2. Tác dụng của việc lựa chọn trật tự từ trong câu:**

* *Thể hiện thứ tự nhất định của sự vật, hiện tượng, hoạt động, đặc điểm (như thứ bậc quan trọng của sự vật, thứ tự trước sau của hoạt động, trình tự quan sát của người nói,…)*
* *Nhấn mạnh hình ảnh, đặc điểm của sự vật, hiện tượng.*
* *Liên kết câu với những câu khác trong văn bản.*
* *Đảm bảo sự hài hòa về ngữ âm của lời nói.*

**II. BÀI TẬP**

**1**. **Giải thích lý do sắp xếp trật tự từ trong những bộ phận câu và câu in đậm dưới đây**

a. *Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung… Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.*

(Tinh thần yêu nước của nhân dân ta- Hồ Chí Minh)

b. *Đẹp vô cùng Tổ quốc ta ơi!*

*Rừng cọ đồi chè, đồng xanh ngào ngạt*

*Nắng chói sông Lô, hò ô tiếng hát*

*Chuyến phà dào dạt bến nước Bình Ca*

(Ta đi tới – Tố Hữu)

*c. Ấy cũng may cho cô, vơ vẩn mãi ở ngoài phố thế này mà gặp mật thám hay đội con gái thì khốn.*

*- Mật thám tôi cũng chả sợ, đội con gái tôi cũng chả cần.*

(Ngựa người, người ngựa – Nguyễn Công Hoan)

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**2.** **Phân tích hiệu quả diễn đạt của trật tự từ trong những câu in màu dưới đây:**

Bước tới Đèo Ngang, bóng xế tà,

Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.

Lom khom dưới núi, tiều vài chú,

Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.

Nhớ nước đau lòng, con quốc quốc

Thương nhà mỏi miệng, cái gia gia.

Dừng chân đứng lại, trời, non, nước

Một mảnh tình riêng, ta với ta.

(Bà Huyện Thanh Quan, Qua Đèo Ngang)

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... .............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 27,TIẾT 103**

**BÀI TÌM HIỂU YẾU TỐ MIÊU TẢ VÀ TỰ SỰ TRONG VĂN NGHỊ LUẬN**

**I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. Phân tích ví dụ**

Yếu tố tự sự và miêu tả:

Đoạn văn a: “*Vị “chúa tỉnh”- mỗi viên công sứ ở Đông Dương quả là một vị “chúa tỉnh”- ra lệnh cho bọn quan lại dưới quyền, trong một thời hạn nhất định phải nộp cho đủ một số người nhất định*”

- Nhằm kể rõ, cụ thể kiểu bắt lính tình nguyện của thực dân Pháp.

Đoạn văn b: “*tốp thì bị xích tay điệu về tỉnh lị, tốp thì trước khi xuống tàu, bị nhốt trong một trường trung học ở Sài Gòn, có lính Pháp canh gác, lưỡi lê tuốt trần, đạn lên nòng sẵn? Những cuộc biểu tình đổ máu ở Cao Miên, những vụ bạo động ở Sài gòn, Biên Hòa và nhiều nơi khác nữa”*

- Nhằm gợi lên hình ảnh khổ sở của người bị bắt lính.

-Nếu lược bỏ yếu tố tự sự và miêu tả: Đoạn văn khô khan mất hẳn đi dẫn chứng cụ thể vẻ sinh động và hấp dẫn; khả năng thuyết phục người đọc không cao

**2. Tác dụng và yêu cầu của yếu tố tự sự và miêu tả trong văn nghị luận**

- Bài văn nghị luận thường vẫn cần phải có các yếu tố tự sự và miêu tả. Hai yếu tố này giúp cho việc trình bày luận cứ trong bài văn được rõ ràng, cụ thể, sinh động hơn, và do đó, có sức thuyết phục mạnh mẽ hơn.

- Các yếu tố tự sự và miêu tả được dùng làm luận cứ phải phục vụ cho việc làm rõ luận điểm và không quá phá vỡ mạch lạc nghị luận của bài văn.

**II. BÀI TẬP**

**Nếu viết bài tập làm văn theo đề bài “ Nêu ý kiến em về vẻ đẹp của bài ca dao *Trong đầm gì đẹp bằng sen*” thì em có cần vận dụng các yếu tố tự sự và miêu tả vào bài làm không? Vì sao ?**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 28, TIẾT 104**

**BÀI LUYỆN TẬP SỬ DỤNG YẾU TỐ MIÊU TẢ VÀ TỰ SỰ**

**TRONG VĂN NGHỊ LUẬN**

**I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. Ôn tập lí thuyết**

**-** Hai yếu tố tự sự và miêu tả giúp cho việc trình bày luận cứ trong bài nghị luận rõ ràng, cụ thể, sinh động và có sức thuyết phục hơn

- Yếu tố tự sự và miêu tả dùng với mục đích làm rõ luận điểm, luận cứ.

**2. Luyện tập**

Đề: *Một số bạn đang đua đòi theo những lối ăn mặc không lành mạnh, không phù hợp với lứa tuổi học sinh, truyền thống văn hóa của dân tộc và hoàn cảnh gia đình. Em hãy viết một bài văn nghị luận để thuyết phục các bạn đó thay đổi cách ăn mặc cho hợp lí, đúng đắn hơn.*

* Loại bỏ luận điểm (d)/ sắp xếp: a – c – b - e
* Đưa yếu tố miêu tả và tự sự vào luận điểm

Mở bài:

- Trang phục và văn hóa có mối quan hệ chặt chẽ

- Nêu về vấn đề trang phục không phù hợp đối với học sinh hiện nay

Thân bài:

- Giải thích: Trang phục là một trong những yếu tố quan trọng thể hiện văn hóa của con người nói chung, của học sinh trong nhà trường nói riêng

Mốt trang phục là những trang phục theo kiểu cách, hình thức mới, hiện đại tiên tiến nhất. Mốt thể hiện trình độ phát triển và đổi mới của trang phục. Trang phục theo mốt thời đại một phần chứng tỏ con người có hiểu biết, lịch sự, văn hóa.

- Hiện nay một số bạn ăn mặc đua đòi thiếu văn hóa, lố lăng, phản cảm (Đan xen tự sự và miêu tả)

- Tác hại của việc chạy theo mốt: Mất nhiều thời gian, hao tốn tiền bạc, ảnh hưởng đến học tập, dễ mắc khuyết điểm, ảnh hưởng đến nhân cách.

- Ăn mặc có văn hóa: trang phục còn phải gọn gàng, đẹp, phù hợp với lứa tuổi, hình dáng, cơ thể, phù hợp với điều kiện gia đình và truyền thống dân tộc. (Đan xen tự sự và miêu tả)

Kết bài: - Tự nhận xét về trang phục bản thân và hướng phấn đấu.

- Lời khuyên đối với các bạn đang chạy theo mốt.

- Học sinh chọn luận điểm và viết thành đoạn văn có dùng tự sự và miêu tả:

“Hiện nay một số bạn ăn mặc đua đòi thiếu văn hóa, lố lăng, phản cảm”

**II. BÀI TẬP**

**Viết đoạn văn nghị luận có dùng yếu tố miêu tả, tự sự cho luận điểm sau**:

“Trang phục học sinh phải gọn gàng, đẹp, phù hợp với lứa tuổi, hình dáng, cơ thể, phù hợp với điều kiện gia đình và truyền thống dân tộc.”

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 28, TIẾT 105**

**BÀI THUẾ MÁU (Nguyễn Ái Quốc)**

**I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. Giới thiệu tác giả vị trí đoạn trích**

*Nguyễn Ái Quốc (1890-1969) là một trong những tên gọi của Chủ Tịch Hồ Chí Minh trong thời kỳ hoạt động cách mạng trước năm 1945.*

-“Bản án chế độ thực dân Pháp” được viết tại Pháp bằng tiếng Pháp, xuất bản tại Pa- ri năm 1925, tại Hà Nội năm 1946 gồm 12 chương và phần phụ lục.

- Đoạn trích nằm trong chương I của tác phẩm.

- Thể loại: phóng sự (văn nghị luận)

**2. Tìm hiểu văn bản**

\* Nhan đề “Thuế máu”: gợi lên số phận thảm thương của người dân thuộc địa, lòng câm phẫn, thái độ mỉa mai với tội ác ghê gớm của chính quyền thực dân

\* Chiến tranh và người bản xứ

+Thái độ của quan cai trị thay đổi trước và sau chiến tranh nhằm thực hiện thủ đoạn bỉ ổi

+ Số phận người dân thuộc địa bi thảm bị biến thành vật hi sinh

\* Chế độ lính tình nguyện

Quan cai trị dùng vũ lực bắt lính, xoay xở kiếm tiền chứ không hề có chế độ “tình nguyện” nào cả.

- Những người bị bắt lính phản ứng gay gắt, dữ dội: làm cho mình nhiễm những bệnh nặng tìm mọi cơ hội để trốn thoát

- Chính quyền thực dân dùng luận điệu xảo trá

- Bằng giọng điệu giễu cợt cùng những câu hỏi đanh thép, những dẫn chứng hùng hồn, tác giả đã vạch trần bản chất mánh khóe, vụ lợi, mị dân của thực dân Pháp

\* Kết quả của sự hi sinh

- Những người dân thuộc địa bị, hành hạ, tước đoạt, khinh rẻ

- Những người lính Pháp bị lợi dụng, đầu độc dân tộc để chính quyền thực dân vơ vét cho đầy túi tham

- Tác giả bày tỏ niềm cảm thương sâu sắc trước số phận của người dân bản địa, và sự căm giận tột cùng trước bộ mặt vô nhân đạo, tráo trở, tàn nhẫn của thực dân Pháp sau khi bóc lột “*Thuế máu*”

\* Nghệ thuật châm biếm, đả kích tài tình:

- Xây dựng một hệ thống hình ảnh sinh động, giàu tính biểu cảm có sức tố cáo

- Ngôn từ, giọng điệu đậm sắc thái giễu nhại, châm biếm

- Nghệ thuật phản bác tài tình

- Dùng liên tiếp, dồn dập những câu hỏi để nêu lên bộ mặt xảo trá, bịp bợm, tàn nhẫn của bọn thực dân

**II. BÀI TẬP**

**Thuế máu đặt ra vấn đề gì? Ba phần trong văn bản có mối quan hệ như thế nào trong việc bộc lộ chủ đề của văn bản?**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 28, TIẾT 108 TỰ HỌC CÓ HƯỚNG DẪN**

**BÀI TỔNG KẾT PHẦN VĂN**

**I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. Lập bảng thống kê các văn bản tác phẩm văn học**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | | **Tên văn bản** | | **Tác giả - Thể loại** | | **Nội dung** | | **Nghệ thuật** |
| 1 | | Cô bé bán diêm | | - Anđéc xen (1805 - 1875)  - Truyện cổ tích (tiếng Đan mạch) | | - Lòng thư­ơng cảm sâu sắc đối với 1 em bé Đan Mạch bất hạnh, chết cóng bên đư­ờng trong đêm giao thừa. | | Nghệ tuậth kể hấp dẫn, đan xen hiện thực và mộng tưởng |
| 2 | | Đánh nhau với cối xay gió (trích) | | - M.Xéc-Van - tét (1547 - 1616)  - Tiểu thuyết phiêu l­u (tiếng Tây ban nha) | | - Sự tư­ơng phản về mọi mặt giữa Đôn-ki-hô-tê và giám mã Xanchô Pan-Xa. Cả 2 đều có những mặt tốt, mặt đáng chê trách trong chiến công đánh cối xay gió trên đư­ờng phiêu l­ưu. | | Nghệ thuật miêu  tả kể chuyện theo trật tự thời gian  Xây dựng cặp  nhân vật tương phản, giọng điệu hài hước |
| 3 | | Chiếc lá cuối cùng (trích) | | - OHen - ri (1862 - 1910)  - Truyện ngắn hiện thực (tiếng anh) | | - Tình yêu thư­ơng cao cả giữa những nghệ sĩ nghèo. | | Nghệ thuật đảo ngược tình huống 2 lần |
| 4 | | Hai cây phong(trích) | | - Ai - Ma - Tốp (1928)  - Truyện ngắn (tiếng Nga) | | - Tình yêu quê hương da diết gắn với câu chuyện 2 cây phong và thầy giáo Đuy-Sen thời thơ ấu của tác giả. | | Nghệ thuật miêu tả sinh động, Ngôn ngữ đậm chất hội hoạ |
| 5 | | Đi bộ ngao du(trích) | | - Ru - Xô  - Tiểu thuyết luận đề (VB nghị luận) | | - Bàn về lợi ích của đi bộ ngao du với lối sống tự do của con người, với qui trình học tập, rèn luyện sức khoẻ | | Nghệ thuật miêu tả sinh động |
|  | |  | |  | |  | |  |
| **Văn bản** | | **Tác giả** | | **Năm  ra đời** | | **Thể loại** | | **Nội dung cơ bản** |
| ***Các văn bản thơ ca yêu nước từ đầu TKXX đến 1930*** | | | | | | | | | | |
| Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác  (Bài 15) | | Phan Bội Châu 1867 - 1940 | | 1914 | | Đường luật thất ngôn bát cú | | Phong thái ung dung đàng hoàng, khí phách kiên cường bất khuất của nhà chiến sĩ yêu nước Phan Bội Châu | | |
| Đập đá ở  Côn Lôn  (Bài 15) | | Phan Châu Trinh 1872 - 1926 | | 1908 - 1910 | | Đường luật thất ngôn bát cú | | Hình tượng đẹp lẫm liệt, ngang tàng của người anh hùng cứu nước. | | |
| ***Các văn bản thơ ca yêu nước và cách mạng từ 1930 đến 1945*** | | | | | | | | | | |
| Khi con tu hú  (Bài 19) | | Tố Hữu 1920 - 2002 | | 1939 | | Thơ lục bát | | Tình yêu cuộc sống và khát khao tự do của người chiến sĩ cách mạng. | | |
| Tức cảnh  Pác Bó  (Bài 20) | | Hồ Chí Minh 1890 - 1969 | | 1941 | | Đường luật, thất ngôn  tứ tuyệt | | tinh thần lạc quan, phong thái ung dung của Bác trong cuộc sống cách mạng đầy gian khổ ở Pác Bó. | | |
| Ngắm trăng  (Bài 21) | | Hồ Chí Minh 1890 - 1969 | | 1942 | | Đường luật, thất ngôn  tứ tuyệt | | Tình yêu thiên nhiên đến say mê và phong thái ung dung của Bác ngay cả trong ngục tù khổ cực tăm tối. | | |
| ***Các văn bản thơ lãng mạng 1930 - 1945*** | | | | | | | | | | |
| Nhớ rừng (Bài 18) | | Thế Lữ 1907 - 1989 | | 1932 - 1945 | | Thơ tự do tám chữ | | Mượn lời con hổ khơi gợi lòng yêu nước thầm kín của người dân mất nước . | | |
| Ông đồ (Bài 18) | | Vũ Đình Liên 1913 - 1996 | | 1932 - 1945 | | Thơ tự do năm chữ | | Niềm thương cảm chân thành trước một lớp người đang tàn tạ và nỗi tiếc nhớ cảnh cũ người xưa của nhà thơ. | | |
| Quê hương (Bài 19) | | Tế Hanh 1921 | | 1932 - 1945 | | Thơ tự do tám chữ | | Bài thơ thể hiện tình yêu quê hương trong sáng, thiết của nhà thơ. | | |

**2.Sự khác biệt giữa thơ cổ và Thơ mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phương diện** | **Thơ cổ** *(Đường luật)* | **Thơ mới** *(Tự do + truyền thống)* |
| Nghệ thuật thơ | - Số câu chữ hạn chế. | - Số câu chữ không hạn định. |
|  | - Luật thơ chặt chẽ (bằng - trắc; phép đối; vần; nhịp điệu). | - Luật thơ linh hoạt, tự do. |
|  | - Hình ảnh thơ mang tính ước lệ. | - Hình ảnh thơ sáng tạo, lời thơ tự nhiên, gần với lời nói thường, không có tính chất ước lệ. |
| Nội dung cảm xúc | - Cảm xúc gò bó, khuôn mẫu, mang tính đạo lý | - Cảm xúc chân thật, mãnh liệt, đề cao cái "tôi" cá nhân. |

**II. BÀI TẬP**

**Học thuộc các văn bản thơ trong chương trình học kì 2**

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 29, TIẾT 109**

**BÀI ÔN TẬP PHẦN TẬP LÀM VĂN**

**I. ÔN TẬP LÝ THUYẾT**

**1. Tính thống nhất của văn bản:**

- Tính thống nhất của văn bản thể hiện trước hết trong chủ đề, trong tính thống nhất chủ đề của văn bản.

- Chủ đề của văn bản là vấn đề chủ chốt, là đối tượng chính yếu mà văn bản biểu đạt.

- Tính thống nhất của văn bản được thể hiện ở các mặt sau:

- Nhan đề và các đề mục trong văn bản.

- Trong các mối quan hệ giữa các phần của văn bản.

- Các từ ngữ then chốt trong văn bản.

**2. Ôn tập về văn bản tự sự:**

- Khái niệm văn bản tự sự

- Tóm tắt văn bản tự sự

**3. Ôn tập về văn bản thuyết minh:**

- Khái niệm văn bản thuyết minh

- Các kiểu đề bài thuyết minh

- Các phương pháp thuyết minh

**4. Ôn tập về văn bản nghị luận:**

**-** Khái niệm văn bản nghị luận

- Luận điểm và luận cứ trong văn bản nghị luận

- Vai trò của yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn bản nghị luận

**II. BÀI TẬP**

**Câu 1 (trang 151 sgk Ngữ văn 8 tập 2):**

   Một văn bản cần có tính thống nhất vì nếu không có sự thống nhất chủ đề, văn bản sẽ bị phân tán, không tập trung được vào vấn đề chính hoặc lạc sang vấn đề khác trong khi triển khai văn bản.

   Tính thống nhất của văn bản được thể hiện ở các mặt sau:

   - Nhan đề và các đề mục trong văn bản.

   - Trong các mối quan hệ giữa các phần của văn bản.

   - Các từ ngữ then chốt trong văn bản.

**Câu 2 (trang 151 sgk Ngữ văn 8 tập 2):**

   - Đoạn văn a:

   Em rất thích đọc sách, chủ yếu là sách văn học và khoa học đời sống. Đến với sách là đến với thế giới của những chân trời vô tận như nhà văn Maxim Goroki có nói: "Sách mở ra trước mắt tôi những chân trời mới". Không một ai có thể phủ nhận được giá trị bổ ích và kì diệu mà sách mà sách mang lại. Vì thế em đã xây dựng cho mình kế hoạch đọc sách hiệu quả em bằng cách tìm ra phương pháp đọc và sự chọn lọc đầu sách kĩ lưỡng. Đọc sách luôn mang lại cho em niềm vui và những tri thức quý báu trong kho tàng kinh nghiệm vô tận của nhân loại.

   - Đoạn văn b:

   Trong bốn mùa của trời đất, có lẽ mùa hè là mùa sôi động nhất. Những tiếng ve sầu râm ran trong kẽ lá, hoa phượng vĩ nở rực một khoảng trời cũng là lúc báo hiệu hè đã sang. Một mùa hè tràn đầy sức sống và niềm vui. Những cô cậu học trò sau một năm học tập giờ không còn bận bịu với sách vở nữa. Chào đón mùa hè, người ta đón nhận sự bừng tỉnh đến mãnh liệt của cái nắng vàng gay gắt đi kèm với những âm thanh sôi động ồn ào. Mùa hè thật hấp dẫn!

**Bài 3 (trang 151 sgk Ngữ văn 8 tập 2):**

  Chúng ta cần tóm tắt văn bản tự sự vì:

   - Để chắt lọc và hiểu nội dung chính của văn bản.

   - Để giới thiệu ngắn gọn nhất văn bản đó cho người khác biết.

   - Để lưu giữ và nhớ lại khi cần thiết.

  Để tóm tắt được văn bản cần:

   - Đọc kĩ văn bản và hiểu đúng chủ đề của văn bản.

   - Xác định những nội dung chính cần tóm lược.

   - Viết thành bản tóm tắt một cách khách quan.

**Bài 4 (trang 151 sgk Ngữ văn 8 tập 2):**

   Tác giả viết văn bản tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm:

   - Yếu tố miêu tả giúp văn bản giàu hình ảnh, trực quan sinh động hơn.

   - Yếu tố biểu cảm khiến văn bản tự sự thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết.

**Bài 5 ( trang 151 sgk Ngữ văn 8 tập 2):**

   Khi viết văn bản tự sự kết hợp với miêu tả, biểu cảm cần chú ý:

   - Không sa đà vào miêu tả hay biểu cảm thái quá.

   - Xác định mục đích chính là tự sự ( kể chuyện).

   - Yếu tố miêu tả, biểu cảm là phụ.

**Bài 6 (trang 151 sgk Ngữ văn 8 tập 2):**

  Văn bản thuyết minh là kiểu văn bản thông dụng trong đời sống hằng ngày, cung cấp tri thức về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân… các hiện tượng và sự vật trong tự nhiên, xã hội bằng phương thức trình bày, giới thiệu, giải thích.

  - Văn bản thuyết minh cần phải đảm bảo:

   + Trình bày tri thức một cách khách quan, trung thực, hữu ích tới người đọc.

   + Diễn đạt rõ ràng, chính xác, chặt chẽ và hấp dẫn.

  - Một số văn bản thuyết minh thường gặp:

   + Giới thiệu một sản phẩm mới

   + Giới thiệu một đặc sản địa phương

   + Giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc một di tích lịch sử

   + Giới thiệu tiểu sử danh nhân, nhà văn…

   + Giới thiệu một tác phẩm

**Bài 7 (trang 151 sgk Ngữ văn 8 tập 2):**

  Muốn làm một văn bản thuyết minh, chúng ta cần phải:

   - Xác định rõ đối tượng cần thuyết minh

   - Xác định rõ phạm vi, tri thức khách quan, khoa học về đối tượng cần được thuyết minh đó.

   - Lựa chọn phương pháp thuyết minh thích hợp

   - Tìm bố cục thích hợp

  Một số phương pháp thuyết minh sự vật thường gặp:

   - Phương pháp nêu định nghĩa, giải thích.

   - Phương pháp liệt kê.

   - Phương pháp nêu ví dụ.

   - Phương pháp dùng số liệu.

   - Phương pháp so sánh.

   - Phương pháp phân loại, phân tích.

**Bài 8 (trang 151 sgk Ngữ văn 8 tập 2):**

   Bố cục thường gặp nhất khi làm bài văn thuyết minh là bố cục bao gồm 3 phần:

   - Mở bài: Giới thiệu đối tượng cần thuyết minh

   - Thân bài: Trình bày một cách chi tiết, cụ thể về các mặt như: cấu tạo, đặc điểm, lợi ích, và những điểm nổi bật khác của đối tượng.

   - Kết bài: Bày tỏ thái độ đối với đối tượng.

**Bài 9 ( trang 151 sgk Ngữ văn 8 tập 2):**

  Luận điểm trong bài văn nghị luận là những tư tưởng, quan điểm, chủ trương mà người viết nêu ra trong bài.

  Tính chất của luận điểm:

   - Chính xác, rõ ràng, phù hợp với yêu cầu giải quyết vấn đề và đủ làm sáng tỏ vấn đề được đặt ra.

   - Luận điểm là một hệ thống: có luận điểm chính và luận điểm phụ.

   - Các luận điểm vừa có sự liên kết chặt chẽ vừa có sự phân biệt với nhau và được sắp xếp theo một trật tự hợp lí.

**Bài 10 (trang 151 sgk Ngữ văn 8 tập 2):**

  Văn bản nghị luận không phải chỉ cần tới yếu tố biểu cảm mà còn cần tới cả yếu tố tự sự và miêu tả.

   + Yếu tố tự sự là yếu tố đùng để trình bày một chuỗi các sự việc, sự kiện nối tiếp nhau, sự việc này nối tiếp sự việc kia để cuối cùng dẫn đến một kết thúc, thể hiện một ý nghĩa.

   + Yếu tố miêu tả là yếu tố giúp người đọc, người nghe hình dung ra những đặc điểm, tính chất nổi bật của người, cảnh, làm cho chúng trở nên sinh động, hấp dẫn trước mắt người đọc, người nghe như những gì chúng vốn có.

  - Các yếu tố như tự sự, miêu tả, biểu cảm giúp cho văn bản nghị luận trở nên rõ ràng, cụ thể, dễ hiểu, đỡ khô khan và có sức truyền cảm hứng thuyết phục hơn.

  Soi chiếu vào tác phẩm Thiên đô chiếu:

   + Yếu tố tự sự: khi kể về những lần dời đô của nhà Thương tới nhà Chu nên vận nước lâu dài, phong tục phồn thịnh.

   + Yếu tố miêu tả: miêu tả về những lợi thế của thành Đại La: tiện hướng nhìn sông dựa núi, thế rồng cuộn hổ ngồi, đất đai cao thoáng, muôn vật phong phú, tốt tươi.

   + Yếu tố biểu cảm: Biểu cảm trực tiếp tình cảm của mình trước sự hao tốn dưới hai triều Đinh, Lê (trẫm rất đau xót).

**Bài 11 (trang 151 sgk Ngữ văn 8 tập 2):**

* Văn bản thông báo là văn bản dùng để truyền đạt thông tin cụ thể của cơ quan, đoàn thể, người tổ chức để báo cho những người dưới quyền, thành viên, đoàn thể hoặc những người quan tâm đến nội dung thông báo được biết để thực hiện hay tham gia.
* Văn bản tường trình là văn bản được trình bày thiệt hại hay mức độ trách nhiệm của người tường trình trong các sự việc xảy ra hậu quả cần phải xem xét.

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 29,TIẾT 110**

**BÀI VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH**

**I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. Đặc điểm của văn bản tường trình:**

*a. Ví dụ*

- Văn bản 1: “Bản tường trình về việc nộp bài chậm” (SGK/133, 134)

- Văn bản 2: SGK/134: “Bản tường trình về việc mất xe đạp” (SGK/134)

- Học sinh đọc và trả lời câu hỏi trong SGK/135

\* Gợi ý:

(1) Trong các văn bản trên, người viết tường trình là học sinh.

    + Văn bản 1: viết nhằm tường trình việc nộp bài chậm xin nộp bài muộn.

    + Văn bản 2: viết nhằm tường trình việc nhầm lẫn xe đạp mong nhà trường tìm giúp chiếc xe của mình.

(2) Nội dung và thể thức bản tường trình.

  - Văn bản 1:

    + Trình bày sự việc liên quan đến bản thân (phải chăm sóc bố bị ốm nên xin nộp bài trễ).

    + Trình bày theo hình thức văn bản hành chính.

  - Văn bản 2:

    + Trình bày sự việc xảy ra liên quan đến việc bị lấy nhầm xe.

    + Trình bày theo hình thức văn bản hành chính.

 (3) Người viết văn bản tường trình cần phải có thái độ thành thực, nghiêm túc, khách quan.

 (4) Một số trường hợp cần viết bản tường trình trong học tập và sinh hoạt ở trường:

  - Tường trình khi bị mất tiền trong lớp.

  - Tường trình về việc gây sự đánh nhau với bạn.

  - Tường trình về việc bỏ giờ học.

b. *Thế nào là văn bản tường trình*?

- Tường trình là loại văn bản trình bày thiệt hại hay mức độ trách nhiệm của người tường trình trong các sự việc xảy ra gây hậu quả cần phải xem xét.

**2. Cách làm văn bản tường trình**

*a. Tình huống phải viết văn bản tường trình*

- Học sinh đọc các tình huống trong SGK/135 và trả lời câu hỏi:

\* Gợi ý:

    - Lớp trưởng là người viết và gửi cô giáo chủ nhiệm và thầy Hiệu trưởng cùng Ban giám hiệu trường.

    - Học sinh là người viết và gửi thầy/ cô giáo phụ trách giờ học thí nghiệm.

- Học sinh là người viết gửi thầy/ cô giáo phụ trách giờ học đó.

- Bố hoặc mẹ em viết gửi công an phường.

*b. Cách làm văn bản tường trình*

* Thể thức mở đầu văn bản tường trình: Quốc hiệu, tiêu ngữ, thời gian địa điểm, tên văn bản, người nhận.
* Nội dung tường trình: Trình bày thời gian, địa điểm, diễn biến cụ thể
* Thể thức kết thúc văn bản tường trình: lời đề nghị hoặc cam đoan, chữ kí và họ tên người tường trình.

**II. BÀI TẬP**

**1.Viết văn bản tường trình về cho tình huống: “Lớp em tự ý tổ chức đi tham quan mà không xin phép thầy, cô giáo chủ nhiệm”**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**2. Viết văn bản tường trình về cho tình huống: “Một số học sinh nói chuyện riêng làm mất trật tự trong giờ học”**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ .......................................................................................................................................................................................................................................................................

**TỰ HỌC CÓ HƯỚNG DẪN: LUYỆN TẬP LÀM VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH**

**I. Ôn tập lý thuyết:**

    1. Mục đích viết tường trình: trình bày thiệt hại hay mức độ trách nhiệm của người tường trình trong các sự việc xảy ra hậu quả cần xem xét.

    2. Tường trình và báo cáo có những điểm giống và khác nhau:

    + Giống: đều cùng tuân thủ những thể thức trình bày đầy đủ: thời gian, địa điểm, sự việc, người có liên quan.

    + Khác: Báo cáo thì trình bày những công việc đã làm, đã thực hiện được để người khác được biết. Tường trình: trình bày thiệt hại hoặc mức độ trách nhiệm của người tường trình trong các sự việc xảy ra sự việc cần xem xét lại.

    3. Văn bản tường trình phải tuân thủ thể thức và phải trình bày đầy đủ chính xác thời gian, địa điểm, sự việc, họ tên những người có liên quan cùng đề nghị của người viết.Văn bản tường trình phải có đầy đủ họ tên người gửi, người nhận, địa điểm.

**II. Bài tập:**

*Bài 1* (trang 137 sgk Ngữ văn 8 tập 2):

   a, Trong tình huống này cần phải viết bản kiểm điểm.

   b, Không dùng văn bản tường trình mà dùng Báo cáo kế hoạc thực hiện đại hội.

   c, Không dùng văn bản tường trình mà phải dùng bản Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch.

*Bài 2* (trang 137 sgk Ngữ văn 8 tập 2):

   Một số tình huống cần viết bản tường trình:

   - Các bạn trong lớp phát hiện trong lớp học mất một chiếc bàn và một chiếc ghế học sinh.

   - Tường trình việc có ai đó đã vẽ bậy lên bức tường mới được quét vôi.

- Một bạn học sinh làm mất xe đạp của một bạn trong lớp.

- Tường trình việc có ai đó đã làm vỡ cửa kính lớp học.

- Tường trình về việc tiền quỹ trong lớp bị mất trong giờ ra chơi.

*Bài 3* (trang 137 sgk Ngữ văn 8 tập 2):

   Bản tường trình về việc làm hỏng dụng cụ thí nghiệm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

*Đà Nẵng, ngày 10/10/2019*

BẢN TƯỜNG TRÌNH

Về việc làm hỏng dụng cụ thí nghiệm

Kính gửi: Cô Nguyễn Thị Thủy, giáo viên phụ trách môn Hóa học trường THCS Lý Tự Trọng.

Em tên là: *Nguyễn Văn A*, học sinh lớp 8/3 học sinh trường THCS Lý Tự Trọng xin phép được tường trình với cô một việc như sau:

Trong giờ học Hóa tiết 2-3 ngày hôm nay do em sơ ý đã làm đổ vỡ 3 ống nghiệm và 1 lọ nước cất. Em xin lỗi cô vì đã không tuân thủ những quy định trong phòng thí nghiệm. Em xin chịu trách nhiệm về lỗi của mình.

Người làm tường trình

*Nguyễn Văn A*

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ **TUẦN 29, TIẾT 111**

**BÀI VĂN BẢN THÔNG BÁO**

**I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. Đặc điểm của văn bản thông báo:**

*a. Ví dụ:*

- Văn bản 1: “Thông báo về kế hoạch duyệt các tiết mục văn nghệ” (SGK/140).

- Văn bản 2: “Thông báo về kế hoạch Đại hội đại biểu liên đội TNTP Hồ Chí Minh (SGK/141).

\* Gợi ý:

 (1) Trong văn bản 1:

   + Người gửi thông báo: Phó hiệu trưởng Nguyễn Văn Bằng (kí thay Hiệu trưởng trường THCS Hải Nam).

   + Người nhận thông báo: Các giáo viên chủ nhiệm và lớp trưởng các lớp trong toàn trường THSC Hải Nam.

  - Trong văn bản 2:

   + Người gửi thông báo: Liên đội trưởng Trần Mai Hoa.

   + Người nhận thông báo: Các chi đoàn TNTP Hồ chú Minh trong toàn trường THCS Kết Đoàn.

(2) Nội dung thông báo thường là những thông tin cụ thể của cơ quan, đoàn thể, người tổ chức báo cho những người dưới quyền, thành viên đoàn thể, hoặc những người quan tâm tới nội dung thông báo được biết để thực hiện hay tham gia.

(3) Một số trường hợp cần viết thông báo: Một số trường hợp cần viết thông báo trong học tập và sinh hoạt ở trường:

    - Ngày nghỉ lễ

    - Ngày thi hết học kì của từng khối lớp

    - Ngày tổ chức hội thi giáo viên giỏi

    - Ngày tham quan

b. *Văn bản thông báo là gì*?

- Văn bản truyền đạt những thông tin cụ thể từ phía cơ quan, đoàn thể, người tổ chức cho những người dưới quyền, thành viên đoàn thể hoặc những ai quan tâm nội dung thông báo.

**2. Cách làm văn bản thông báo***:*

*a. Tình huống cần làm văn bản thông báo*:

- Sắp tới, nhà trường sẽ tổ chức đợt tổng vệ sinh trong toàn trường để góp phần xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp.

    - Gần cuối năm, Ban chỉ huy liên đội TNTP Hồ Chí Minh muốn triệu tập các Ban chỉ huy chi đội để bàn về việc tổng kết hoạt động của liên đội trong năm nay.

*b. Cách làm văn bản thông báo*:

   - Phải xác định trong tình huống nào cần làm thông báo, tình huống nào không cần làm.

   - Bố cục chung của một thông báo thường là:

    + Phần mở đầu

    + Phần nội dung

    + Phần kết thúc

**II. BÀI TẬP**

**Tình huống nào sau đây phải viết văn bản thông báo? Trong tình huống ấy, ai là người thông báo, ai là người nhận thông báo?**

*- Một học sinh bị mất xe đạp, muốn báo với công an*

*- Sắp tới, nhà trường sẽ tổ chức đợt tổng vệ sinh góp phần xây dựng cảnh quan sư phạm xanh – sạch – đẹp.*

*- Cuối năm học, lớp em phải tổng hợp những thành tích để Hội đồng Thi đua – Khen thưởng của trường bình xét thi đua.*

*- Hệ thống điện của lớp em bị hỏng, cần phải được sửa chữa.*

\* Gợi ý: Tình huống cần phải làm thông báo:

*- Sắp tới, nhà trường sẽ tổ chức đợt tổng vệ sinh góp phần xây dựng cảnh quan sư phạm xanh – sạch – đẹp.*

 Người viết là BGH nhà trường, người nhận là các thầy cô giáo chủ nhiệm và học sinh ở các lớp.

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ..

**TỰ HỌC CÓ HƯỚNG DẪN: LUYỆN TẬP LÀM VĂN BẢN THÔNG BÁO**

**I. Ôn tập lý thuyết:**

**1. Tình huống cần phải viết văn bản thông báo:**

  - Viết VBTB trong tình huống cần truyền đạt thông tin cụ thể của cơ quan, đoàn thể, người tổ chức… cho những người dưới quyền, thành viên, đoàn thể hoặc những người quan tâm tới nội dung thông báo để thực hiện hay tham gia.

**2. Nội dung và thể thức của văn bản thông báo:**

  - Nội dung và thể thức một văn bản thông báo phải cho biết rõ ai thông báo, thông báo cho ai, nội dung công việc, quy định, thời gian, địa điểm… cụ thể, chính xác.

  - Văn bản thông báo phải tuân thủ các thể thức hành chính, có ghi tên cơ quan, số công văn, quốc hiệu và tiêu ngữ, tên văn bản, ngày tháng, người nhận, người thông báo, chức vụ người thông báo thì mới có hiệu lực.

**3. Văn bản thông báo và văn bản tường trình có những điểm giống và khác nhau:**

   - Giống: đều cùng tuân thủ những thể thức trình bày đầy đủ: thời gian, địa điểm, sự việc, người có liên quan.

   - Khác: Báo cáo thì trình bày những công việc đã làm, đã thực hiện được để người khác được biết. Tường trình: trình bày thiệt hại hoặc mức độ trách nhiệm của người tường trình trong các sự việc xảy ra sự việc cần xem xét lại.

**II. Bài tập**

**Bài 1 (trang 149 sgk Ngữ văn 8 tập 2):**

  a, Để cán bộ giáo viên và học sinh toàn trường nắm được kế hoạch tổ chức Lễ kỉ niệm ngày sinh nhật Bác 19/5 Hiệu trưởng cần viết và chuyển đến toàn trường bản:

    - Thông báo

  b, Hằng ngày, Ban chỉ huy liên đội TNTP Hồ Chí Minh Nhà trường cần biết tình hình hoạt động của các chi đội. Các chi đội cần viết và gửi lên Ban chỉ huy liên đội văn bản:

    - Báo cáo

  c, Trước khi tiến hành giải phóng mặt bằng, mở rộng tuyến đường giao thông, để bà con nông dân có đất đai hoa màu trên diện tích đó biết được chủ trương trên, Ban quản lí dự án công trình cần viết:

    - Thông báo.

**Bài 2 (trang 150 Sgk Ngữ văn 8 tập 2):**

  Những chỗ sai trong văn bản thông báo:

   - Nội dung của văn bản chưa phù hợp với tên của văn bản

    + Tên thông báo: kế hoạch kiểm tra

    + Nội dung: Chưa có thời gian thực hiện kế hoạch, ở văn bản trên mới chỉ là yêu cầu lập kế hoạch

   - Phía trái cuối văn bản chưa có nơi nhận

**Bài 3 (trang 150 sgk Ngữ văn 8 tập 2):**

    Những tình huống trong nhà trường và ngoài xã hội cần viết văn bản thông báo:

    - Thông báo nghỉ Tết

    - Thông báo di chuyển dân cư giải phóng mặt bằng

    - Thông báo cắt điện giờ cao điểm

    - Thông báo tổ chức hội thảo khoa học

    - Thông báo tuyển dụng

**Bài 4 (trang 150 sgk Ngữ văn 8 tập 2):** Học sinh tự làm

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 29,TIẾT 112 TỰ HỌC CÓ HƯỚNG DẪN**

**CHỮA LỖI DIỄN ĐẠT (LỖI LO-GIC)**

**Bài 1 (trang 127 sgk Ngữ văn 8 tập 2)**

  a, Trong câu trên đồ dùng học tập không cùng nhóm với quần áo, giày dép vì thế nên sửa thành:

    - Chúng em đã giúp các bạn học sinh vùng bão lụt quần áo, gày dép và đồ dùng học tập.

    - Chúng em đã giúp các bạn học sinh vùng bão lụt quần áo, giày dép và nhiều đồ dùng sinh hoạt khác.

  b, Phạm vi đối tượng trong câu có dạng A nói chung và B nói riêng, khi đó A và B phải cùng loại nhưng trong bài này A và B khác loại. Sửa thành:

    - Thanh niên nói chung, sinh viên nói riêng, niềm say mê là nhân tố quan trọng dẫn đến thành công.

    - Trong thể thao nói chung và trong bóng đá nói riêng, niềm say mê là nhân tố quan trọng dẫn đến thành công.

  c, Lão Hạc và Bước đường cùng là tác phẩm, còn Ngô Tất Tố là tác giả, hai phạm trù này không thể được xếp cùng làm chủ ngữ. Sửa thành:

    - Lão Hạc, Bước đường cùng và Tắt đèn đã giúp chúng ta hiểu sâu sắc thân phận của người nông dân trước cách mạng tháng Tám 1945.

  d, Trí thức có nghĩa bao hàm nghĩa của từ bác sĩ. Câu trên sửa thành:

    - Em muốn trở thành một kỹ sư hay một bác sĩ.

  e, Nghệ thuật bao hàm nghĩa của từ "ngôn từ". Câu trên sửa thành:

    - Bài thơ trên không chỉ hay về nghệ thuật mà còn sắc sảo về nội dung.

  g, Một người cao gầy (hình dáng) và một người mặc áo ca rô (trang phục) thuộc hai phạm trù khác nhau, sửa thành:

    - Trên sân ga chỉ có hai người. Một người thì cao gầy, còn một người thì béo mập.

  h, Cần cù và chịu khó là nguyên nhân của hành động yêu thương chồng con, vì thế không thể dùng từ "nên". Sửa thành:

    - Chị Dậu rất cần cù chịu khó và chị rất mực yêu thương chồng con.

  i, Hai vế Nếu… thì vốn để biểu thị quan hệ điều kiện- kết quả nhưng ở đây lại không thể biểu thị quan hệ đó vì những đức tính tốt đẹp không tạo ra " những nhiệm vụ vinh quang và nặng nề.

    - Nếu không phát huy những đức tính tốt đẹp của người xưa thì người phụ nữ Việt Nam ngày nay không thể hoàn thành được những nhiệm vụ vinh quanh và nặng nề đó.

  k, Khi câu thể hiện mối quan hệ song đôi vừa A vừa B phải có quan hệ đẳng lập chứ không bao hàm. Sửa thành:

    - Hút thuốc lá vừa có hại cho sức khỏe vừa tốn tiền.

**Bài 2 (trang 128 sgk Ngữ văn 8 tập 2):** Học sinh tự làm

**Bài 3: Phát hiện lỗi và chữa lại cho đúng trong các câu sau**:

1. Chiều tàn, chợ đã vãn, người ta chen lấn, xô đẩy nhau để ra về.
2. Tố Hữu là một nhà thơ lớn vì ông hoạt động cách mạng từ thời thơ ấu.
3. Mẹ âu yếm hỏi em: “Con thích đi Sầm Sơn hay thích ăn kem”.
4. Gần trưa, đường phố tấp nập, xe cộ ngược xuôi ngày càng thưa dần
5. Bạn ấy rất yêu văn nghệ và cả đi dã ngoại nữa.

**TUẦN 30, TIẾT 113**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG (PHẦN TIẾNG VIỆT, PHẦN VĂN)**

**I.PHẦN TIẾNG VIỆT:**

**Câu 1 (trang 145 sgk Ngữ văn 8 tập 2):** Các từ ngữ xưng hô địa phương trong đoạn trích trên:

   a, U – cách xưng hô của địa phương nhằm gọi mẹ.

   b, Từ "mợ"- cách xưng hô của một số gia đình trung lưu ở thành thị thời Pháp thuộc, không phải từ toàn dân, không phải từ địa phương.

**Câu 2 (trang 145 sgk Ngữ văn 8 tập 2):** Một số từ ngữ xưng hô mang sắc thái riêng của địa phương mình và những địa phương khác mà em biết, ví dụ:

   - Đồng bằng Bắc Bộ: thầy u ( bố mẹ).

   - Vùng trung du Bắc Bộ: bá (bác gái), bầm (mẹ).

   - Vùng Trung Trung Bộ: eng (anh), mệ (bà), mi (mày).

**Câu 3 (trang 145 sgk Ngữ văn 8 tập 2):**

   Các từ xưng hô địa phương thường chỉ dùng trung phạm vi giao tiếp hẹp (trong vùng địa phương) và không dùng trong hoàn cảnh giao tiếp có tính chất nghi thức.

**Câu 4 (trang 145 sgk Ngữ văn 8 tập 2):** Học sinh tự làm

**II.PHẦN VĂN**

**Chuẩn bị**

**Câu 1**: **Các văn bản nhật dụng ở lớp 8 để cập đến những vấn đề:**

- Môi trường: Thông tin về trái đất năm 2000.

- Dân số: Bài toán dân số.

- Bài trừ tệ nạn thuốc lá: Ôn dịch thuốc lá.

**Câu 2: Tự chọn một trong những vấn đề trên để phản ánh một khía cạnh nào đó của vấn đề ngay chính trên quê hương mình.**

*\*Gợi ý:*

*a. Có thể viết về nạn nghiện game online:*

“Dạo một vòng quanh các tuyến đường Tuyên Quang, Nguyễn Du, Từ Văn Tư... (Phan Thiết), chúng tôi thấy có khá nhiều điểm kinh doanh internet. Hầu như vào thời điểm tan học và các ngày nghỉ, nhiều em học sinh không về nhà ngay mà "la cà" vào các tiệm internet. Hình ảnh những cậu học trò trên người vẫn còn mặc nguyên bộ đồng phục học sinh mắt dán lên màn hình, miệng văng tục, tay cầm điếu thuốc lá khua lia lịa trên bàn phím nhìn rất phản cảm. Nhiều học sinh vừa ăn, uống vừa chăm chú chơi game online, người chơi thắng thì hò hét vì "hạ" được đối thủ, kẻ thua cuộc thì chửi thề rồi tìm cách "bắn, giết" lại đối phương.

Chuyện học sinh bỏ học chơi game bây giờ không chỉ có ở các em cấp 2, cấp 3 mà nhiều em mới học tiểu học đã hình thành thói quen xấu đó. Từ mê game, nghiện game bạo lực, nghỉ học nhiều, các em còn sa vào con đường phạm tội như ăn cắp vặt, lấy đồ vật trong gia đình đem bán... Một học sinh thường xuyên "cắm chốt" ở tiệm internet cho biết: "Học xong, em ra đây ngồi luôn. Em đang đấu với đối thủ mạnh lắm, về thì uổng vì ít khi có đối thủ ngang tầm, mà ngừng phút nào là bị tụt hạng ngay". Theo tìm hiểu của chúng tôi, bên trong các tiệm internet đều bán thức ăn, nước giải khát, thẻ game… để phục vụ các game thủ chơi cả ngày và đêm.

Để hạn chế những tác động xấu của game online trong một bộ phận giới trẻ hiện nay, rất cần sự chung tay của gia đình, nhà trường và xã hội. Cha mẹ cần quan tâm, nhắc nhở con cái thường xuyên, hướng con cái tham gia các hoạt động thể chất, luyện tập thể dục thể thao và các hình thức giải trí lành mạnh. Ngoài ra, các cơ quan chức năng cần tăng cường công tác kiểm tra, để kịp thời chấn chỉnh và xử lý những cơ sở vi phạm về quản lý internet, nhằm ngăn chặn mối nguy hại từ game online” (ST).

*b. Về vấn đề môi trường:*

“Hiện nay môi trường đang bị đe dọa trầm trọng vì tình hình thế giới phát triển càng lúc càng cao, các nhà máy, công trình, xưởng sản xuất mỗi ngày thải ra ngoài môi trường rất nhiều khí thải, chất thải nguy hại, dẫn đến môi trường bị đe dọa ô nhiễm. Môi trường toàn cầu hiện nay đầy những yếu tố, nào là hạn hán, đói kém, thiên tai, lũ lụt. Dưới đây sẽ phân tích các vấn đề nghiêm trọng mà trái đất đang phải chống chọi, đối mặt.

* Nguồn nước đang bị khan hiếm

       Hiện nay trên trái đất, diện tích nước chiếm tới khoảng 70% bề mặt, tuy nhiên chỉ có khoảng 2% là nước phù hợp cho tiêu dùng, được coi là nước tinh khiết. Nhiều khu vực vẫn phụ thuộc vào lượng nước mưa dự trữ, tuy nhiên nếu khí hậu biến đổi thì nguồn nước cung cấp từ thiên nhiên là vô cùng khan hiếm, dẫn đến khan hiếm nước cho sinh hoạt. Tuy nhiên có nơi lại lũ lụt thiên tai, lũ quét làm phá hủy hệ sinh thái tự nhiên và nhân tạo trong khu vực.

* Nạn phá rừng

       Ngày nay thiên tai lũ lụt, hạn hán ngày càng nặng nề, đáng cảnh bảo, nguyên nhân sâu xa là do phần rừng bị khai thác một cách vô tội vạ. Nạn phá rừng hầu như xảy ra trên toàn thế giới, các tổ chức cây xanh trên thế giới đã cảnh báo rất nhiều về việc tàn phá hệ sinh thái cây xanh sẽ ảnh hưởng đến khí hậu toàn cầu.

       Cuộc sống phát triển, nhu cầu tiêu thụ nhu yếu phẩm, thực phẩm tăng lên, dẫn đến con người phải phá bỏ nhiều diện tích rừng cho việc trồng trọt. Xã hội phát triển, các đô thị, thành phố lớn mọc ra khiến các cánh rừng bị thay thế bới các tòa cao ốc. Khai thác khoáng sản, dầu và các tài nguyên khác cũng dẫn đến nạn phá rừng

       Với nạn phá rừng làm cho nhiều loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng. Xói lở đất, biến đổi khí hậu đáng kể và trong một số trường hợp thiên tai như sạt lở đất và lũ quét có thể là do, trực tiếp hoặc gián tiếp phá rừng .

* Sự biến đổi khí hậu toàn cầu

       Sự tăng nhiệt độ trái đất đáng kể trong những năm vừa qua đang làm cho thế giới không an tâm. Biến đổi khí hậu trên thế giới dẫn đến thiên tai, động đất, sóng thần, lũ lụt ngày càng xuất hiện với mật độ nhiều và nặng hơn.

       Những báo cáo về sự tăng nhiệt độ trong mùa hè, mùa đông không đủ lạnh và khối lượng đất đóng băng cũng giảm. Toàn bộ thế giới bị ảnh hưởng bởi sâu rộng trong tự nhiên. Ảnh hưởng của nó không chỉ gây tử vong cho con người mà còn cho các loài khác sống ở hành tinh này” (ST)